

Nguyễn Lân

**nhung
TRANG
SU
VE
VANG**

II



Những
TRANG SỬ VẼ VANG
II

*Ấu-yếm mong bốn con
Lân-Tuất, Tề-Chỉnh, Lân-Dũng, Lân-Cường
sau này sẽ tìm thấy ở
« Những trang sử vẻ-vang »
một nguồn sống mạnh-mẽ và xứng-đáng.
Từ-ngọc*

NGUYỄN LÂN

biên-thuật

Những Trang Sử Vẻ-Vàng

(Từ trước cuộc nội-thuộc Tàu đến đầu triều Gia-Long)

Uống nước nhớ nguồn

(Tục-ngữ)

Mai - linh xuất - bản

36.—Kỷ-Tín nước Đại-Việt

Tháng tư năm kỷ-hợi (1419), sau khi đánh đồn Nga-lạc (1) của giặc Minh, Bình-dinh-vương đem quân về đóng ở Chi-linh (2).

Tướng Minh liền cho một đại-đội binh-mã đến bờ vây, quyết bắt cho kỳ được người thủ-linh của dân Đại-Việt.

Tình-thế vô-cùng nguy-ngập : quân dần dần mòn, lương dần dần cạn ; thoát ra không được, mà thủ-hiêm thì cũng đến chết cả.

Bình-dinh-vương bèn hội các tướng-sĩ, bàn nên đánh một trận tử-chiến, thoát được thì càng hay, bằng không, chịu chết cũng cam.

Trong bọn tướng-tá, có một người đứng lên thưa rằng :

(1) Nga-sơn, Thanh-hóa.

(2) Xem chú-thích số 6 ở bài thứ 35.

— Thân Vương là trọng, cả nước trông vào có một ngài, vì bằng mệnh-bệ nào, thì sao đuổi được giặc Minh ra ngoài bờ cõi.

Rồi người ấy xin hiến thân trá hình làm mình-chủ để đánh lừa quân giặc, như Kỵ Tín đời Hán đã liều chết thay cho vua Cao-tô.

Bậc anh-hùng nghĩa-sĩ đó là Lê Lai.

Lê Lai chính tên là Nguyễn Thận, vì theo Bình-định-vương đi dẹp giặc nên cải ra họ Lê và đổi tên để che mắt người Minh. Ông người làng Dục-tú (1), theo Vương từ lúc mới khởi nghiệp và đã nhiều lần xông pha trận mạc.

Lúc ấy quân Minh vây kín quá, nếu để Bình-định-vương đánh ra thì thế nào ngài cũng bị bắt mà nghĩa lớn sẽ tan-tành. Vì thế ông liền thân xin xuất-trận thay ngài.

Đứng trước sự hi-sinh to-tát ấy, Bình-định-vương cảm-động quá, rút gươm vứt xuống đất mà thề :

— Lê Lai tình-nguyên chết thay ta, nếu sau này ta không nhớ đến công y, thì...

(1) Thuộc Lam-sơn, Thanh-hóa.

cung-diện hóa thành núi rừng, bảo-ấn hóa thành đồng sắt, gương thần hóa ra giặc-giã đao-binh.

Rồi ngài trao y-phục cho Lê Lai.

Lê Lai mặc áo bào vàng, cầm cờ lệnh, uy-nghi nhảy lên ngựa, thúc quân ra đánh một trận sinh tử.

Thấy thế, quân Minh tướng Bình-dịnh-vương liều chết phá vây, liền trút cả quân vào một mặt. Quân ta đánh một trận rất hăng, nhưng vì yếu sức, Lê Lai bị giặc bắt rồi giết đi.

Trong khi ấy Bình-dịnh-vương đã cũng nấy người tày-lòng cải-dạng làm tiểu-phu, men sườn núi mà trút xuống. Rồi nhờ vì quân Minh tướng là ngài đã bị giết thực, nên ngài lại chấn-chỉnh được binh-đội mà khôi-phục được giang sơn.

Đến khi đại-dinh, lên ngôi hoàng-đế, ngài chẳng quên vị tướng đã liều thân cứu mình khi trước. Nên không những ngài truy-tặng cho Lê Lai đến chức thái-úy, tấn-phong đại-vương, mà ngài còn định rằng sau này khi ngài băng, thì trước hòm kỵ-nhật phải

cùng Lê Lai đã. Vì thế giỗ ngài ngày 22 tháng tám thì giỗ ông Lê Lai ngày 21. Cho nên trong dân-gian miền Thanh-Nghệ, còn có câu ca-dao :

Hàm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi.

Con ông Lê Lai là Lê Lâm sau này theo nhà vua đi đánh giặc Lào cũng bị tử-trận. Đến cháu ông là Lê Niệm cũng giúp vua Lê Thánh-lông được công to, nên trong bài chử vinh-phong cho ông Niệm, nhà vua có ban cho câu này :

一門忠孝, 憐乃祖乃父之死綏;

Nhất môn trung hiếu, liên nãi tổ nãi phụ chi tử tụy;

繹世勲名, 宜爾公爾侯之濟美.

Dịch thể huân danh, nghi nhĩ công nhĩ hầu chi tế mỹ.

(Một nhà trung-hiếu, thương ông người cha người chết vì việc nước; đời đời huân danh, nên phong công, phong hầu, để được vẻ-vang).

37a.— Rửa nhục nước trả thù cha

Người Minh bắt được cha con Hồ Quý-Lý ở cửa Kỳ-la và núi Cao-vọng, cho giải cả về Kim-lăng (1) cùng với một bọn hề-tôi.

Trong những đại-thần bị bắt giải theo Quý-Lý có một lão quan tên là Nguyễn Phi-Khanh (2).

(1) Xin đọc bài thứ 32.

(2) Nguyễn Phi-Khanh chính tên là Nguyễn Ưng-Long, người làng Chi-ngại, huyện Phượng-sơn, sau đến nhập-tịch làng Nhị-khe, huyện Thượng-phước (nay thuộc phủ Thường-tín, tỉnh Hà-dông). Ông đỗ tiến-sĩ khoa giáp-dầu (1374), niên-hiệu Long-khánh đời Trần Duệ-tống, nhưng vì là con nhà thường-dân mà lấy con gái Bàng-hồ tướng-công Trần Nguyên-Đán là người trong hoàng-phái, nên vua Trần Nghệ-tống truất bỏ không dùng. Vì thế khi Hồ Quý-Lý cướp quyền nhà Trần, ông mới đổi tên là Phi-Khanh để làm quan với nhà Hồ.

Khi đi đến ải Nam-quan, Phi-Khanh quay lại vẫn thấy hai người con là Nguyễn Trãi và Nguyễn Phi-Hùng lẽo-đẻo đi theo. Thừa lúc vắng-vẻ, ông vẫy người con cả lại gần và nói rằng :

— Con hãy trở về trả thù cho cha, rửa nhục cho nước, chứ đi theo khốc-lóc mà làm gì ?

Lúc bấy giờ Nguyễn Trãi đã gần ba-mươi tuổi. Ông đã đỗ thái-học-sinh từ năm canh-thìn (1400), và đã làm quan với nhà Hồ đến chức ngự-sử-đài.

Nghe lời cha nói phải, ông gạt nước mắt từ-tạ quay về, để lo kế phục-thù.

Năm mậu-tuất (1418), ông nghe tin trong vùng Lam-son có ông Lê Lợi dấy binh khởi-nghĩa.

Ông liền lặn-mò vào phía nam. Khi Bình-định-vương đem quân đến đóng ở Lôi-giang, năm canh-tí (1420), ông đến xin yết-kiến và dâng mưu-kế đánh giặc Minh. Vương biết là người có tài có chí, bèn dùng làm tham-mưu.

Trong gần chục năm, một tay ông giúp Vương viết những từ-mệnh giao-thiệp với

các tướng Minh. Khi thì cứng-cỏi, danh-thếp, khi thì khôn-ngoan, khéo-léo, những bức từ-mệnh đó đã khiến cho người Minh phải khâm-phục.

Những bức thư ông viết cho Phương-Chính đề kể tội giặc thì chẳng khác gì những nhát búa bổ vào sọ. Trái lại những bức thư dụ Vương Thông lại nhã-nhặn, dẫn-đo, thường thường đem sử Tàu ra bàn lẽ thiệt hơn, đề bày những họa-phúc cho quân Minh thấy rõ.

Nhờ có những lời văn mạnh-mẽ của ông mà nhiều khi Bình-định-vương lấy được thành-trị mà không tốn một tên lính. Những bức từ-mệnh của ông thực hợp với câu « ngọn bút quét nghìn quân » (1) của người xưa !

Sau mười năm lao-khổ, lên dốc, xuống dèo, năm gai, năm mật, Bình-định-vương đuổi được quân Minh ra ngoài biên-giới, rửa cái nhục nô-lệ cho non sông, ngài liền sai quan « hàn-lâm thừa-chỉ học-sĩ kiêm Lại-bộ thượng-thư » Nguyễn Trãi làm bài « Bình Ngô đại-cáo » đề bá-cáo sự đại-định cho thiên-hạ biết.

(1) 筆掃千軍 (Bút tảo thiên quân).

Bài đó là một áng văn tuyệt-tác còn ghi lại cái dấu quang-vinh của tổ-quốc trước đây hơn năm thế kỷ.

Khi Bình-định-vương lên ngôi hoàng-đế, ngài không quên người đã cùng ngài hàn mưu định kế để đạt được nghĩa lớn, nên ngài phong cho ông tước Quan-phục-hầu và cho đứng đầu các hàng văn-quan.

Đã giúp vua trong khi chống giặc, ông lại có công to trong lúc trị-bình. Chính tay ông viết cả các tờ chiếu rất có giá-trị trong những năm đầu niên-hiệu Thuận-thiên.

Chẳng may vua Thái-lỗ mới ở ngôi cửu-ngũ được có sáu năm, ngài đã sớm thăng-hà.

Đến đời Thái-tông, ông vẫn được trọng-dụng. Nhưng nhà vua còn nhỏ tuổi (1), và lại chỉ thích chơi đùa phóng-phẩm với bọn cận-thần, không chịu học-hành. Việc nước ở cả trong tay đại-tư-dồ Lê Sát và đô-dốc Lê Văn là những người ít học và kiêu-hãnh.

Nguyễn Trãi trông thấy triều-chính như thế lấy làm buồn-rầu vô-cùng. Một lần, vua

(1) Lúc lên ngôi, vua mới có 11 tuổi.

nghe theo lời viên ty-giám ở ty lô-bạ (1) là Lương Đăng chế ra các mũ áo và các nhạc-khi rất lổ-lãng ; Nguyễn Trãi có dâng một đạo sớ can vua, nhưng vua không nghe, ông lại càng chán-nản.

Nhìn chung quanh mình ít thấy những bậc chính-nhân quân-lữ, mà chỉ thấy nhiều kẻ tiền-nhân kết bè lập đảng với bọn gian-thần, ông bèn dâng sớ xin về hưu-dưỡng ở trại Côn-sơn, thuộc huyện Chí-linh, để vui cưỡi cây-cỏ, gió trăng.

Nhưng được ít lâu, vua Thái-tông lại xuống chiếu vời ông về triều để trông nom chính sự.

Ông lại phải về cung-chức để đem cái tài kinh-bang, tế-thế ra giúp nền thịnh-trị cho nước.

Một hôm, khi ở triều về, quan hành-khiển Nguyễn Trãi gặp một người con gái bán chiếu tên là Nguyễn Thị-Lộ, người làng Ngự-thiệu (2); thấy nàng là người vừa có sắc, vừa có

(1) Ty coi những xe, vòng, cờ, lọng của nhà vua.

(2) Nay thuộc huyện Hưng-nhân, tỉnh Thái-bình.

tài (1), ông liền cho nàng về làm tiều-thiếp, để sớm hôm ngâm vịnh cùng ông.

Vua Thái-tông nghe tiếng Thị-Lộ là người hay chữ bèn vời nàng vào cung để dạy các cung-nhân. Vì sắc đẹp của nàng, vua đắm ra mê say rồi giữ luôn ở trong cung. Tuy vậy, thỉnh-thoảng nàng cũng được về với Nguyễn Trãi.

Năm nhâm-tuất (1442), nhà vua ngự-già đi duyệt-binh ở Chi-linh. Vì Côn-sơn ở gần đấy, nên Nguyễn Trãi rước xa-giá đến biệt-thự của mình. Ở đó một ngày, nhà vua trở về cung, có Thị-Lộ đi theo.

(1) Thị-Lộ là con một nhà nho, vì cha mẹ mất sớm, lớn ở đất Thăng-long, trọ ở Tây-hồ, làm nghề buôn chiếu. Nàng là người hay chữ, biết làm thơ Hán và thơ nôm. Tục-truyền rằng khi ông Nguyễn Trãi gặp nàng có vờn hỏi nàng bằng bốn câu thơ này :

*À ở đâu ta bán chiếu gon ?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn ?
Xuân-thu chừng độ bao nhiêu tuổi ?
Đã có chồng chưa ? được mấy con ?*

Thị-Lộ liền đáp lại rằng :

*Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gon,
Cơ chi ông hỏi hết hay còn ?
Xuân-xanh tuổi mới trăng tròn lẻ,
Chồng còn chưa có, cơ chi con !*

Ngày mồng bốn tháng tám, xa-gia về tới huyện Gia-đinh (1), nhân gặp trời tối, nhà vua nghỉ lại tại vườn vải ở làng Đại-lai, vốn là chốn lý-cung của các triều Lý, Trần khi trước.

Sáng hôm mồng năm, nhà vua bị cảm mà băng hà.

Triều-thần sẵn không ưa gì Nguyễn Trãi vì tính cương-trục của ông, nên đồ diệt cho Thị-Lộ giết vua.

Thị-Lộ và Nguyễn Trãi đều bị tống-giam (2).

(1) Nay là huyện Gia-binh, Bắc-ninh.

(2) Hình như khi ở trong lao, Ưc-trái tiên-sinh có làm bài thơ này :

浮 俗 升 沉 五 十 年	故 山 泉 石 負 情 緣
虛 名 運 福 殊 堪 笑	眾 議 孤 忠 絕 可 憐
數 有 難 逃 知 地 命	文 如 未 喪 也 關 天
獄 中 虛 昔 空 還 辱	金 蘭 何 由 達 寸 箋

Phù tục thăng trầm ngũ thập niên,
Ổ sơn tuyền thạch phụ tình duyên.
Hư danh vận phúc họa thù khả tiếu,
Chúng báng cô trung tuyệt khả liên.
Số hữu nan đào tri thị mệnh,
Văn như vị táng dã quan thiên.
Ngục trung độc bối không tạo nhục,
Kim khuyết hà do đạt thốn tiên.

Sau khi thái-tử Bang-Cơ lên nối ngôi, người ta đem án đó ra xét trước triều-dinh.

Hình-quan chỉ gắng hỏi Thị-Lộ có hai điều : một là : cô phải nung đầu-độc nhà vua không ? hai là : có phải Nguyễn Trãi mưu thí-ngịch không ?

Lúc đầu Thị-Lộ còn hết sức kêu oan. Nhưng sau vì bị tra-khảo đau qua, nàng không chịu nổi, bất-đắc-dĩ phải nhận liều.

Thế là án thí-ngịch đã thành. Nguyễn Trãi bị khép vào tội tru-di tam-tộc (1).

Ngày 16 tháng 8 năm nhâm-tuất (1442), Nguyễn Trãi cùng các con trai phải chịu án tử-hình, còn các con gái thì bị sung làm nô-tỳ trong cung vua và các nhà quan.

Dịch :

*Thăng-trầm cuộc thế trải năm mươi,
Suối đá non xưa đã phụ rồi.
Danh hảo, tức cười, kim ngọc thực,
Lòng trung, chúng nhạo, hỡi thương ơi!
Tránh sao định-mệnh, danh cam số,
Chưa mất tư-vấn, đã có trời !
Trong ngục giầy tơ bao nhục-nhã,
Dâng sao Bệ-ngọc được đổi lời !*

(1) Về cái chết của tiên-sinh, người ta có đặt ra nhiều chuyện phang-thúy và nghiệp-báo kuang thế thì xin được.

Ôi! Chỉ vì tính thẳng lối ngay, mà một bậc đại-công-thần bị một bọn tiểu-nhân hùa nhau làm hại, khiến cả một nhà máu rơi đầu rụng. Oan-khốc biết bao!

Cũng may sao trong khi cả nhà Ưc-trai liên-sinh (1) bị nạn thì một người vợ thứ của ông tên là Phạm Thị-Mẫn đương có mang được vài tháng, vì đi chợ vắng nhà, nên không phải bắt và đã trốn đi được. Bà ta nương nhờ ở một nhà trong vùng Sơn-nam. Đến kỳ mãn-nguyệt, sinh ra một con trai, đặt tên là Phạm Anh-Võ. Dù đời họ cho con, bà cũng vẫn còn sợ bị tiết-lộ, nên phải ôm con vào trốn trong địa-hạt xứ Bồn-man.

Được ít lâu, thấy không ai để ý đến, bà đem con về ở nhờ một nhà họ ngoại tại làng Bối-kê (2), để cho con đi học.

Năm 19 tuổi, Anh-Võ thi đỗ tam-trường.

Đến năm giáp-thân (1464), vua Thánh-tông, một ông vua sáng suốt, biết là Nguyễn Trãi bị tội oan, liền xuống chiếu tẩy-oan cho liên-sinh và cho tìm hỏi con cháu sót lại để lục-dụng.

(1) Ưc-trai là tên hiệu của Nguyễn Trãi liên-sinh.

(2) Thuộc huyện Thanh-sai, Hà-dông

Anh-Võ lúc bấy giờ mới ra khai sự thực, được lấy lại họ Nguyễn và được bổ làm tri-huyện Tây-chân (1)

Thế là sau 22 năm, cái nỗi oan của Ưc-trai tiên-sinh mới được tỏ rõ. Trong tập « Quỳnh-uyên cửu ca », chính vua Thánh-tông đã viết câu sau này để thân-oan cho người công-thần bậc nhất của nhà Lê ;

抑齋心上光奎藻

Ưc-trai tâm thượng quang khuê tảo
(Lòng Ưc-trai sáng như sao !)

Hậu-thế không còn nghi ngờ gì về lòng trung-trực và nhất là lòng yêu nước thương nhà của tiên-sinh, cho nên ngày nay về xã Nhị-kê, chiêm-ngưỡng bức di-tượng và đọc những hoành-phí, câu đối ở đền, ta không khỏi bồi-ngùi nghĩ đến cái huân-nghiệp của tiên-sinh đối với giang sơn tổ-quốc, bất-giáo ta những muốn to tiếng đọc lại những câu hùng-hồn mạnh-mẽ của bài « Bình Ngô đại-cáo ».

(1) Nay là huyện Nam-trực, Nam-định.

38. — Một đảng anh-quân.

Khi vua Thái-tông băng-hà, thái-tử Bang-Cơ mới hai tuổi, được lên nối ngôi, tức là Nhân-tông.

Nhân-tông có một người anh là Nghi-Dân đã được lập làm thái-tử từ năm canh-thân (1440); chỉ vì bà mẹ Nghi-Dân thấy con được lên ngôi trừ-nhị, sinh ra kiêu-hãnh, nên vua Thái-tông đã truất ngôi thái-tử của Nghi-Dân.

Năm kỷ-mão (1459), Nghi-Dân tụ-tập đồ-dảng, bắc thang trèo vào cung-cấm, giết vua Nhân-tông và bà hoàng-thái-hậu rồi cướp ngôi hoàng-đế.

Tám tháng sau, bọn đại-thần là Nguyễn Xi, Đinh Liệt bí-mật bàn định rồi đóng chặt cửa

thành, đem quân cấm binh kéo vào nội-diện, giết chết đảng nghịch, bắt Nghi-Dân phải tự tử, rồi đi đón người con thứ tư của Thái tông là Tư-Thành lập lên làm vua, tức là vua Lê Thánh-tông, một ông vua sáng-suốt nhất trong lịch-sử nước ta.

Vua Thánh-tông là con bà tiếp-dư Ngô thị Ngọc-Dao.

Trong khi bà có mang ngài, đã bị bà mẹ hoàng-tử Bang-Cơ là Nguyễn Thị-Anh ghen ghét, vu-oan, mà phải lao-đao vất vả; may nhờ có Nguyễn Thị Lô và Nguyễn Trãi chèo-chở cho, mới có thể trốn ra miền An-bang (1) được.

Sau khi Nhân-tông đã lên ngôi báu, mẹ con bà Ngô tiếp-dư mới được quay về và phục lại chức cũ. Hoàng-tử Tư-Thành được phong là Bình-nguyên-vương.

Khi Nghi-Dân chiếm quyền, cải-phong ngài là Gia-vương. Chẳng bao lâu, Nghi-Dân bị trừ khử, các đại-thần liền mời ngài lên ngôi hoàng-đế.

(1) Tức là Quảng-yên ngày nay.

Vua Thánh-tông là một vị minh-quân đã khiến cho nước ta tiến được một bước dài trên đường văn-minh.

Đối với mẹ, ngài là một người con rất có hiếu (1) : Sớm hôm thăm hỏi, dâng ngọt sớt bùi, rất là chu-đáo. Mỗi khi bà kể lại những chuyện lúc phong-trần, ngài rất cảm-động.

Đối với triều-thần, ngài tỏ là một ông vua minh-mẫn và có lượng. Ngài lại chịu nghe lời những người khuyên can phải lẽ : Như năm binh-tuất (1466), ngài dụ sắc khen Nguyễn Thiện (2) thế này :

« Nhà ngươi làm bầy-tôi kết lòng thành ; lo việc nước, thường dâng lời nói hay, ta cũng có khi chấn-chỉnh lại, để cho nhà ngươi được oai với những người chưa dám bắt-bẻ nhà vua, thực đáng khen thưởng ! Nay sai quan

(1) Ngài tôn mẹ là Quang-thục hoàng-thái-hậu. Sau khi bà mất, ngài dựng điện Huy-văn ở chùa Hoa-văn (huyện Thọ-xương, Hà-nội), là chỗ bà bị giam khi có mang ngài, để thờ bà, và đặt quan coi giữ điện, ngày đêm hương khói.

(2) Người xã Hương-quốc, huyện Từ-kỳ, phủ Hạ-hồng, đỗ đệ tam-giáp đồng tiến-sĩ năm mậu-thìn (1448), làm quan đến Lại-bộ thượng-thư.

tự-lễ-giám đem dụ ban thưởng cho bạc hàng lạng » (1).

Đến khi ngài hồ Nguyễn Thiện làm chức thừa-chính, ngài lại dụ rằng :

« Nhà ngươi trước kia làm chức giám-quan, bàn-luận thiết-thực, ngay thẳng ; nay được ra vô yên trăm họ, cai-trị một phương, phải nên theo phép nước, lo việc dân, bỏ lòng giận-dữ, tránh sự ham muốn, sao cho không thẹn với chức của mình » (1).

Năm đinh-hợi (1467), nhà vua cho Nguyễn Cư-Dạo (2) làm ngự-sứ-dài đồ-ngự-sứ, có dụ rằng :

« Trăm lúc nhỏ cùng nhà ngươi giao-du ; kịp khi trăm lên ngôi báu, nhà ngươi hầu chức kinh-diên : nghĩa vua tôi, tình bè bạn, ngươi nên hết lòng hợp sức, lo toan báo nước, rất công chó riêng, ngăn lấp đường hối-lộ, thì Trăm được tiếng là ông vua biết dùng người.

(1) Theo bản dịch của Ứng-hoà Nguyễn Văn-Tổ (Nhường ông nghề triều Lê).

(2) Người xã Đông-khối, huyện Gia-dịnh, phủ Thuận-an, đỗ đệ tam-giáp đồng tiến-sĩ năm nhâm-tuất (1442), có vua mệnh đi sứ, làm quan ngự-sứ-dài đồ-ngự-sứ, quyền Hộ-bộ thượng-thư tri kinh-diêu-sự.

người được tiếng là người bầy-tôi hết lòng trung: thân-danh hiển-dương, được rõ-ràng trong sử sách, há chẳng tốt lắm thay! Nếu không thế thì Trẫm mừng tiếng là, ông vua không biết người, người là bầy tôi giữ vị hão! Hai điều ấy, người nên chọn lấy mà theo» (1).

Xem thế ta đủ biết ngài chăm-chút đến việc giáo-hóa quan-lại, lo-lắng đến việc dùng người cho xứng-dáng. Luôn luôn ngài tỏ rằng ngài là một ông vua hiền kỹ cái trọng-trách của mình đối với cả quốc-dân.

Trí sáng-suốt của ngài khiến ngài lại hiền cả những hành-vi bọn nịnh-thần vô-liêm-sĩ. Trong bọn đó, có viên Hình bộ thượng-thư Trần Phong (2) là một kẻ a-dua, hèn-hạ, hay nịnh-nọt những người quyền-thế. Nhà vua thấy vậy có nói với một cận-thần là Nguyễn Như-Đồ rằng :

« Trần Phong là người nết mặt thì nghiêm-trang, mà trong lòng lẫn-lữa, khinh-dị câu

(1) Xem trang 26.

(2) Người huyện Tiên-lữ, phủ Khoái-châu, đỗ khoa hoàng-tử năm tân-hợi (1431), làm quan đến Hình-bộ thượng-thư, nhưng vì có tội gièm chê nhà vua, bị giam trong ngục rồi chết năm ất-tị (1435).

nói. Như nịnh-hót, thờ-phụng người quyền, quý, liếm cái mún cho Đức-Trung (1), hút cái nhọt cho Nguyễn Yên (2), đó là cái mưu-kế của Trần Phong...» (3).

Ngài lại là người không có chấp-nê. Như khi được tin ông Nguyễn Kim-An (4) vì có tang thân-sinh, giữ đúng phép nước, không gần nữ-sắc, nên khi vừa hết tang thì chết, không có con trai, ngài liền xuống chiếu bỏ cái lệ cấm vợ có thai trong khi tang-chế.

Những việc kể trên là nói cách ngài đối-dãi với các quan, còn đối với dân, ngài tỏ là một ông vua nhân-từ, chăm lo đến sự no ấm của dân : Ngài là người đầu tiên lập nhà tế-sinh để nuôi người già yếu và phát thuốc chữa bệnh cho dân-gian. Ngài cũng là người đầu tiên lập các sở đồn-diễn để khai-khẩn

(1) Nguyễn Đức-Trung là cha nguyên-phí của Lê Thánh-tông. Có một lần, Trần Phong bải-đắc-di phải nói xấu Đức-Trung, tối liền đến nhà tạ lỗi.

(2) Nguyễn Yên là cậu của nguyên-phí. Trần Phong muốn làm thông-gia với ông ta, cả ngày phải khúm-núm ở ngoài sân.

(3) Xem (1) trang 26.

(4) Người xã Thời-cử, huyện Đường-an, tỉnh Hải-dương, đỗ bằng-nhân năm nhâm-thìn (1472), làm quan đến hàn-lâm-viện thi-thư.

ruộng nương, đặt chức hà-đê và chức khuyến-nông để săn-sóc việc cấy-cấy và khuyến bảo dân về việc trồng tía, cho dân khỏi đói khổ.

Ngài rất chú-ý đến việc sửa-sang phong-tục cho dân : ngài tỉnh-giảm các lễ tang và lễ hôn ; ngài đặt ra hai-mươi-bốn điều giáo-huấn, rồi truyền cho các xã-thôn phải chọn một vài người già-cả đức-hạnh để thỉnh-thoảng họp các dân em ra đình tuyên-giảng những lời cáo-dụ.

Ngài đặt ra chức giám-sát ngự sử chẳng khác gì những chức « missi dominici » của vua Charlemagne bên Pháp, để đi thanh-tra các đạo, tránh cho dân những sự nhũng-lam.

Năm mậu-ti (1468), có tên Lê Bồ phạm tội tham-tang, bị tội chạm chữ vào mặt, Hình-bộ thượng-thư là Trần Phong (1) xin cho lấy tiền chuộc tội. Ngài phán với các quan rằng :

« Trần Phong xin cho chuộc tội tham-tang, thế là người giàu dút lột nhiều mà được khỏi tội, người nghèo không có tiền mà bị tội, trái luật-phép của tổ-tiên, tự-tiện làm uy-phúc, để đánh lừa người trong nước, giao Pháp-ty xét trị tội đúng luật » (2).

(1-2) Xem trang 26 - 27

Về việc học, vua Lê Thánh-tông rất ra tâm mỗ-mang : Ngài định phép thi hương, sửa phép thi hội, và chính tự ngài thường làm chủ-khảo các kỳ thi đình. Muốn khích-lệ các nhân-tài, ngài lập ra lệ xương-danh các tiến-sĩ và lệ cho các ông ngò về vinh-quy. Ngài đặt ở phía sau văn-miếu một nhà thái-học, có đủ phòng ốc cho sinh-viên ở, khác nao một kỳ túc-xa ngày nay. Ngài lại mở một kho bí-thư để chứa các sách quý.

Dưới triều ngài, không những việc học được bành-trướng, mà văn-học cũng rất thịnh-dạt : Ngài đặt ra một thứ hàn-lâm-viện có hai-mươi-tám người, gọi là « Tao-dân nhị-thập-bát tử », mà chính ngài làm nguyên-sứ, nghĩa là chủ-tịch. Ngài khuyến-kích các nhà văn, và tự ngài còn để lại nhiều tập văn giá-trị, như « Quỳnh-uyên cửu-ca », « Thân-chính ký sự », và rất nhiều bài thơ nôm (1) đến nay còn truyền-tụng. Ngài lại

(1) Những bài thơ nôm của ngài như : Thăng bửu-nhân, con cóc, dẹt vãi, thặng mỗ, cái chổi... đến tổ khi-tượng đế, vương. Có người nói : ngài làm thế là vì lúc thiếu-thời ngài bị luận-lạc, ở trong đáu-gian có người ngờ về gốc-gác ngài chăng. Có một điều đáng để ý là trong thơ chữ Hán của ngài không có cái giọng ấy.

sai các triều-thần trứ-tác nhiều bộ sách quý-giá : như hai ông Thân Nhân - Trung (1) và Đỗ Nhuận (2) thì viết bộ « Thiên-nam dư-hạ tập » gồm một trăm quyển nói về chính-trị và binh-luật đời Hồng-đức (3); ông Ngô Sĩ-Liên (4) hiệu-chính bộ « Đại-Việt sử-ký » gồm mười lăm quyển, từ họ Hồng-bàng đến Lê Thái-tổ. Ngài lại bắt các quan ở các đạo phải vẽ địa đồ trong hạt và ghi chép sông núi gửi về bộ Hộ, để làm một quyển địa-dư nước Nam.

Về việc ngoại-giao, ngài có một câu châm-ngôn thường nói với triều-thần là :

« Ta phải giữ-gìn cẩn-thận, đừng để ai lấy một phân núi, một tấc sông của đức Thái-tổ để lại ».

(1) Người xã Yên-ninh, huyện Yên-dũng, đỗ đệ-tam-giáp đồng tiến-sĩ khoa kỹ-sửn (1460), làm quan đến Đông-các đại-học-sĩ, kiêm Lễ-bộ thượng-thư.

(2) Người làng Kim-hoa, huyện Kim-anh, đỗ đồng tiến-sĩ khoa binh-tuất (1466) làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư.

(3) Hồng-đức là niên-hiệu vua Lê Thánh-tông từ năm canh-dần (1470). Bộ luật Hồng-đức đến nay vẫn còn giá-trị.

(4) Người xã Chúc-sơn, huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên, tỉnh Sơn-nam (Nam-định), đỗ đệ tam-giáp đồng tiến-sĩ năm nhâm-tuất (1442), làm quan đến thị-lang.

Muốn được thế, ngài hết sức chấn-chỉnh vũ-bị, tuyển tập sĩ tốt, đặt ra năm phủ-quân rất mạnh mẽ, gồm sáu bảy vạn quân tinh nhuệ. Nhờ thế, người Tàu dù có ý muốn dòm-giỏ nước ta, cũng phải kiêng-nê, lấy lễ-nghĩa mà đối với người mình.

Đã không phải dùng binh mà chống lại người phía bắc, ngài đem quân đi chinh-phạt phía nam: năm canh-thìn (1460), ngài cử đại-binh vào đánh nước Chiêm-thành, bắt được vua Trà-Toàn, chiếm được thành Đồ-bàn, rồi gồm các đất Đồ-bàn, Đại-chiêm, Cổ-lũy lập thành đạo Quảng-nam. Người Chiêm hất dáo từ đấy yếu thế đi và dần dần bị Việt-Nam-hóa.

Dưới triều vua Thánh-tông, thanh-thế nước ta lung-lẫy: các xứ Mường, Lào ở phía tây như Lão qua, Bồn-man đều bị chinh-phục và chịu triều-cống cả.

Trong lịch-sử nước ta, từ xưa đến nay, chưa có ông vua nào làm cho dân Việt-Nam được mạnh-mẽ, văn - minh bằng vua Lê Thánh-tông.

Ngài thực là vị anh-quân thứ nhất của nước ta vậy!

38^b.— Một đời trung-nghĩa.

Nguyễn Xí người làng Thượng-xá, huyện Thượng-phúc. Năm 19 tuổi, nghe tiếng ông Lê Lợi, vào Lam-sơn xin làm gia-nhân, được ông cho chăn một đàn hơn một trăm con chó săn.

Xí dạy chó xếp thành hàng, rồi lắc chuông mà sai chó tiến-thoái rất có thứ-tự.

Bình-định-vương thấy thế khen lắm. Vì thấy Xí có vũ-dũng hơn người, Vương cho theo quân khởi-nghĩa.

Khi Vương bị quân Minh đánh thua, chạy về Chí-linh, Xí hết sức hộ-vệ.

Lúc Vương ở Nghệ-an sai các tướng ra đánh Đông-đô, Xí được thăng làm thượng-tướng-quân.

Cùng Đinh Lễ kéo quân ra Bắc, Xi đánh nhau với Vương Thông ở Ninh-kiều, rồi trong trận Tuy-dông, chém được thượng-thư nhà Minh là Trần Hạp.

Năm đinh-vị (1427), đánh nhau với Vương Thông ở My-dông (thuộc Hoàng-mai, huyện Thanh-tri), Xi bị quân Minh bắt, nhưng tìm mưu lừa quân giặc mà trốn thoát. Bình-định-vương trông thấy trở về, mừng rỡ reo lên rằng: « Sống lại ! ».

Trong trận Xương-giang (xã Thọ-xương, phủ Lang-giang), Xi cùng với Lê Sát đánh nhau với quân Minh, bắt được hai tướng Tản là Thôi Tự và Hoàng Phúc.

Khi bình-định xong quân giặc, vua Lê luận công cho Nguyễn Xi làm « long-hổ-gê-thượng-ty-đương-quân » và phong cho tước huyện-hàn. Xi một lòng trung-nghĩa thờ vua Thái-lỗ, rồi lại thờ vua Thái-tông.

Vua Thái-tông băng rồi, Xi theo di-chiến phò vua Nhân-tông, được thăng làm « nhập-nội-dô-đốc ». Đến khi phá được quân Chiêm lại được thăng « thiếu-hảo-tri-quân-dân-sự ».

Năm kỷ-mão (1459) Lang-son-vương Nghi-dân đồng mưu với một bọn phản thần giết vua Nhân-tông và bà hoàng-thái-hậu, rồi tự xưng làm vua.

Thấy thế, Nguyễn Xi họp các đại thần là bọn các ông Đinh Liệt, Lê Niệm, Lê Lân, Lê Nhân-Thuận lại, mà bàn rằng :

— Nghi-dân giết vua và quốc-mẫu, tội không phải nhỏ. Chúng ta là bậc huân-cựu trong triều, nên chết vì xã-tắc; chứ nếu chịu luôn cúi bọm bội-nghịch, thì còn mặt nào trông thấy Tiên-đế ở tuổi vàng nữa !

Các ông ấy liền đến nghị sự-đường chém bọn phản-nghịch Phạm Đồn, Phan Ban ; rồi đóng cửa thành, đem cấm-binh vào phế Nghi-dân, tôn người con thứ tư của Thái-tông là Gia-vương lên ngôi, tức là Lê Thánh-tông.

Thánh-tông rất quý-sùng Nguyễn Xi, ban cho ông chức « Bình-chương-quân-quốc-trọng-sự thái-phó-a-quận-hầu ».

Đến khi Nguyễn Xi mắc bệnh, nhà vua ban lời phủ-dụ và hết sức săn-sóc.

Khi Nguyễn Xi mất, nhà vua thương tiếc vô-cùng, tặng cho tước Cương-quốc-công.

Một đời thờ bốn vua, bao giờ Nguyên Xi cũng giữ lòng trung-chính, khiến người đồng-thời ai cũng kính-phục. Ngày nay còn được tôn-tự trong miếu « Lịch-dại đế-vương ».

39.— Còn hống-hách nữa thôi?

Dưới triều Lê Thánh-tông, có một ông trạng nổi tiếng là thần-đồng, tên là Lương Thế Vinh (1).

Lúc còn ít tuổi, ông đã thông-minh hơn người (2) và học đâu nhớ đấy.

Năm quý-mùi (1463), ông đỗ đầu đệ-nhất-giáp tiến-sĩ. Lúc bấy giờ ông mới hai-mươi-ba tuổi. Khi vào thi đình, vua Thánh-tông ra bài « 聖人繼天立極 » (Thánh-nhân kế thiên lập cực), ông ứng-chế giỏi, vua

(1) Hiện là Thụy-Hiến, tự là Cảnh-Nghị, người xã Cao-hương, huyện Thiên-bảo (nay là Vụ-bảo), phủ Kiến-hưng (nay là Nghĩa-hưng), tỉnh Sơn-nam (Nam-định).

(2) Tục truyền rằng gần đến kỳ thi, ông Quách Đình-Bảo đến thăm ông, thấy ông đương thả diều, chứ không cầm-cúi học, lấy làm thán-phục lắm.

khen là « Văn-học uân-tạ », và cho làm cơ tam-khôi có bốn câu thơ :

狀元梁世榮
榜眼阮德禎
探花郭廷寶
天下共知名

Trạng-nguyên Lương Thế-Vinh,
Bảng-nhãn Nguyễn Đức-Trinh.
Thám-hoa Quách Đình-Bảo,
Thiên-hạ cộng tri-danh.

(Nghĩa là thiên-hạ đều biết tiếng)

Lúc đầu, nhà vua bổ cho làm hàn-lâm trực-học-sĩ, giao cho việc soạn các công-văn.

Về sau được cử đi sứ Tàu ; vì ứng-đối linh-lợi, vua nhà Minh khen nước Nam không thiếu nhân-tài (1).

Khi về trí-sĩ thường mặc áo vải, ăn cơm rau, giao-thiệp với người trong làng, không phân hơn kém.

(1) Ông có soạn những sách : Thích-diễn giáo-khoa, Phật-kinh thập-giới, Đại-thành toán-pháp ; bài văn bia ở mộ đô-đốc Đinh Trọng-An và nhiều bài thơ họa với vua Lê Thánh-tông.

Một hôm, ông đương ngồi với người làng trong một cái quán ở rìa đường, sự nghe thấy có ông huyện sở-tại đi qua. Vốn biết ông huyện hách-dịch, ông Thế-Vinh bảo mọi người lánh đi, để một mình ông trong quán. Quan huyện đến nơi sai lính vào quán bắt phu khiêng vồng. Lính không biết ông là ai, liền bắt ông ra khiêng. Ông cũng vui lòng ghé vai khiêng vồng cho ông huyện.

Đi được một quãng, gặp một người làng, ông bèn nhắn rằng :

— Tôi nhờ bác về bảo anh học-trò tôi là thám-hoa Trần Công-Bích ở lang Văn-cát ra đây khiêng đỡ vồng quan huyện cho lội, kéo tôi già mệt lắm không đi được.

Ông huyện nằm trong vồng nghe câu ấy giật mình nhảy xuống đất, xi xúp lay, kêu xin ông tha-thứ cho.

Ông sẵn lòng tha cho và khuyên quan huyện từ đây đừng nên cậy quyền mà bắt nạt dân nữa.

Quan huyện xin ông ngồi vồng để tự khiêng ông về, nhưng ông không nghe, thủng-thỉnh đi bộ trở về.

Thực là một bài học hay cho bọn người
hay ý-thế!

40. — Nhổ vào mặt kẻ nghịch-thần.

Đến đời cháu của Lê Thánh-tông là Uy-mục, vì nhà vua đam-mê tửu-sắc, làm điều bạo-ngược, nên cơ-nghiệp nhà Lê mỗi ngày một suy-dần.

Các bậc công-thần bị hắt-hủi hoặc hãm-hại, những trang hào-kiệt anh-hùng không được tin dùng, còn những kẻ tiểu-nhân thì được đặc-dụng; cho nên lòng người ly-tán, giặc-giã nổi lên bốn phương.

Trong hơn hai-mươi năm, từ năm ất-sửn (1505) đến năm đinh-hợi (1527), nước ta chỉ còn là một cái xác không hồn ở dưới tay bọn Gian-hùng quỉ-quyệt, triều-đình chỉ còn là

một chiếu bạc rối-loạn mà kẻ nào mạnh là nắm hết quyền-hành.

Trong bọn gian-thần, có một kẻ dờ ờ sức mạnh mà trở nên quyền-thế, hống-hách : Kẻ đó là Mạc Đăng-Dung.

Đăng-Dung (1) là cháu bảy đời ông trạng Mạc Đĩnh-Chi. Thừa trử, Dung là một người nghèo sống về nghề đánh cá. Nhân vua Uy-mục muốn kén người có sức mạnh vào làm túc-vệ để thỏa cái tính hung-hãn, Đăng-Dung được kén làm chức đô-chỉ-huy-sứ. Dần dần uy-quyền của y càng thêm to-tát. Đến triều vua Tương-dực (2) được phong là Vũ-xuyên-bá, vua Chiêu-tông (3) lại phong cho là Vũ-xuyên-hầu.

Vì Chiêu-tông phải cần đến Đăng-Dung để trừ bọn phản-ngịch (4), nên Đăng-Dung

(1) Nguyên-quán ở làng Đông-cao, huyện Bình-hà (Hải-dương), sau dời sang làng Cổ-trai (thuộc huyện Nghi-dương, Kiến-an ngày nay).

(2) Tức là Giản-tu-công, húy là Oanh, cháu vua Thánh-tông, anh em thù-há với Uy-mục. Giản-tu-công giết vua Uy-mục rồi lên ngôi năm canh-ngọ (1510).

(3) Sau khi bọn Trịnh Duy-Sân giết vua Tương-dực, một người cháu ba đời của vua Thánh-tông lên là Ý được lên ngôi, lấy hiệu là Chiêu-tông.

(4) Tức là bọn Hoảng Duy-Nhục, Trịnh Tuy Nguyễn Sở, Nguyễn Kính, Lê Do.

mỗi ngày một thêm lòng-quyền, khi ra vào chỗ cung-cấm dám tiếm dùng nghi-vệ thiên-tử.

Đến khi nhà vua muốn lấy lại quyền-bình thì bị Đãng-Dung bắt, giết đi.

Năm đinh-hợi (1527), Mạc Đãng-Dung thấy thế mình đã đủ mạnh, liền bắt em vua Chiêu-tông là Cung-hoàng nhường ngôi cho mình, rồi tự-lập làm hoàng-đế, lấy hiệu là Minh-dức.

Lúc bấy giờ trong bọn triều-thần, thì những kẻ túi cơm dĩa áo cúi đầu vâng lệnh kẻ tiếm quyền. Nhưng những người có khí-phách (1), thì thà rằng chịu tuân-tiết còn hơn cúi-luồn một quân phản-bội.

Những người đó đều là những tay khoa-giáp, biết liêm sỉ, trọng cương-thượng, nên họ không thể chịu dấn mình làm tội-tố một kẻ khốn-nạn.

(1) Những người ấy đông lắm, như các ông thượng-thư ; Văn Công-Duyệt, Ngô Hoàn, Lê Tuấn-Mậu, Đàm Thân-Huy, Nguyễn Thiệu-Tri ; ông đồ-ngự-sử Nguyễn Văn-Vện ; ông hàn-lâm hiệ-n-lý Nguyễn Tả-Bạt, ông tham-chính-sứ Nguyễn Duy-Tường ; ông quan-sát-sứ Nguyễn Tư-Cường ; ông Bình-lữ-bá Nghiêm Bá-Kỷ ; ông đồ-ngự-sử Lại Kim-Bảng ; ông phó đồ-ngự-sử Nguyễn Hữu-Nghiêm ; ông tả-thị-lang Lê Vô-Cương...

Có người như ông Vũ Công-Duệ (1) chịu mắng kẻ nghịch-thần, rồi ôm quả ấn của mình nhảy xuống cửa bể Thần-phù mà chết.

Có người như ông Nguyễn Thiệu-Tri (2) khi đã chín-mười-bai tuổi, nghe thấy con trưởng mình theo Mạc Đăng-Dung, liền từ mà lập con thứ hai làm thừa-tự, rồi ngánh mặt về Lam-sơn, khóc lay, trước khi tự-vẫn.

Có người như ông Lê Tuấn-Mậu (3), khi Đăng-Dung bắt vào chầu, cố thu trong tay áo một viên đá, nhắm đúng mặt kẻ phản-ngịch mà ném, nhưng không trúng, bị Đăng-Dung bắt giết đi.

Lại có người như ông Nguyễn Thái-Bạt (4) thấy Đăng-Dung tiếm ngôi, liền giả dui mù, rồi xin lại gần y mà bàn chuyện. Đến lúc đã

(1) Người làng Trinh-xá, huyện Sơn-vi, tỉnh Sơn-tây, đỗ trạng-nguyên năm Hồng-đức thứ 23. Làm quan đồ-ngự-sử rồi thăng đến chức Lại-bộ thượng-thư.

(2) Người xã Xuân-lôi, huyện Lập-thạch, phủ Tam-đái, tỉnh Sơn-tây, đỗ đệ tam-giáp tiến-sĩ năm mậu-tuất (1478), làm quan đến Hộ-bộ thượng-thư về tri-sĩ, mất năm dinh-hội (1522).

(3) Người xã Xuân-lôi, huyện Yên-phong, đỗ tiến-sĩ đời vua Thái-hùng, làm quan hàn-lâm, có đi sứ Minh, rồi được thăng đồ-ngự-sử, sau làm Lễ-bộ thượng-thư.

(4) Người xã Bình-lãng, xứ Cầm-giang, đỗ tiến-sĩ đời vua Chiêu-tông, làm quan hàn-lâm hiệu-lý.

đứng gần kẻ thoán-đoạt, ông bèn nhờ vào mặt bần, cho hả cơn giận. Lẽ tất-nhiên là ông bị giết liền. Nhưng trước khi chết còn có thể nhờ vào mặt kẻ mình khinh-bĩ, thì cái chết ấy là một cái chết vinh.

Cho hay những bậc trung-ngĩa nhiều khi coi cái chết nhẹ hơn một sợi bông !

41. — Muốn ăn thịt kẻ nghịch-thần.

Khi Mạc Đăng-Dung chiếm ngôi vua Lê, ngoài những bậc trung-thần lặn-lẽ tìm cái chết để tỏ ý khinh quân phản-nghịch (1), lại có những bậc anh-hùng muốn chống với kẻ thoán-đoạt bằng cách hoạt-động hơn, là đẩy binh về đánh họ Mạc.

Trong những bậc nghĩa-sĩ ấy, có Đàm Thận-Huy, Nguyễn Hữu Nghiêm và Lê Tuấn-Kiệt là lỗi-lạc nhất :

Đàm Thận-Huy, hiệu là Mặc-trai, người xã Ông-mặc, huyện Đông-ngàn, đỗ tiến-sĩ đời Hồng-đức, làm quan hàn-lâm hiệu-thảo, là

(1) Xem đọc bài trước (bài thứ 40)

một ngôi trong hai-mươi-tám vị sao của Tao-dân. Đời vua Trương-dực, đi sứ Minh, về được thăng Lại-bộ thượng-thư. Khi vua Chiêu-lông xuất-bạch, ông được mật-chiếu về Bắc-giang khởi-bình, được hơn năm vạn người, đem về cư nhau với quân Mạc ở sông Tây-kieu (thuộc Đông-ngàn) Sau vì thế cô, không địch nổi quân nghịch, ông uống thuốc độc tự-tử. Mạc Đăng-Dung cảm là người có nghĩa, tặng cho tước hầu, nhưng sắp-chế về đến thôn Cổ-trần tự-nhiên bị chày. Người ta cho rằng hộp thiếng của Đàm Thận-Huy không thêm nhận tước phong của nhà Mạc.

Sau khi Thận-Huy chết đi, vị tướng đồng-chỉ với ông là Nguyễn Hữu-Nghiêm vẫn còn cầm-cự ít lâu với quân Mạc.

Hữu - Nghiêm là người làng Phúc - khê, huyện Đông-ngàn, đỗ thám-hoa đời Lê Uy-mục, hồi đó mới có 18 tuổi ; làm quan hàn-lâm thị-thư, rồi thăng thượng-thư kiêm chương-viện-sự. Khi vua Chiêu-lông xuất-bạch, cùng với Đàm Thận-Huy cử binh đánh nhau với quân Mạc.

Thận-Huy tự-tử được ít lâu, Hữu-Nghiêm quay về quê nhà thăm mẹ. Kịp khi quân Mạc

đuổi tới nơi, Hữu-Nghiêm lay mẹ rồi bị giặc bắt đi. Đãng-Dung nhẩn-tâm cho xe xé thấy người trung-nghĩa.

Còn Lê Tuấn - Kiệt, người xã Tân - minh (Thanh-hóa), cũng đương làm quan, thấy Mạc Đãng-Dung thoán-đoạt, liền bỏ quan về Thanh-hóa, tụ-tập binh-mã đề đánh. Đãng-Dung cho người đem vàng, lụa vào dụ hàng và hứa phong cho tước vương.

Tuấn-Kiệt tức giận mắng rằng :

Thằng Đãng-Dung là kẻ nghịch-thần, tội nó rất lớn, trời đất không dung, quỷ-thần đều tức. Ta chỉ muốn ăn thịt nó mà thôi, lẽ nào ta còn nhìn mặt nó ?

Nói xong, sai chém đũa đến dụ, rồi kéo cờ nghĩa ra đánh quân Mạc. Chẳng may bị thua mà chết.

Cả ba vị anh-hùng kể trên đều hiền rằng thể-lực của Mạc Đãng-Dung bấy giờ lớn lắm, đánh nhau với hẳn thì năm chắc phần thua, thế mà vẫn cứ kéo quân về đánh, là vì người trung-nghĩa không thể cùng sống với quân phản-nghịch được. Danh ba vị trung-nghĩa kia còn đời đời chói-lọi.

42. — Dân ta có tội-tình gì?

Mạc Đăng-Dung cướp ngôi năm đinh-bợi (1527), truyền được bốn đời vua (1). Nhưng lòng dân vẫn quyến-luyến nhà Lê, nên ngay từ đời con Mạc Đăng-Dung là Mạc Đăng-Doanh, nhà Lê đã bắt đầu trung-hung ở Thanh-hóa.

Trong hơn nửa thế-kỷ, nhà Lê có họ Nguyễn và họ Trịnh giúp-rập lo đánh quân Mạc để khôi-phục lại giang-sơn, còn nhà Mạc cũng muốn trừ họ Lê để nhất-thống thiên-bạ. Thành-thử nước Nam chỉ là một bãi chiến-trường; nhân-dân lâm-than, điêu-dùng.

(1) Là Mạc Đăng-Doanh, Mạc Phúc-Hải, Mạc Phúc-Nguyên, Mạc Mậu-Hợp.

Năm nhâm-thìn (1592), vua nhà Mạc là Mạc Mậu-Hợp bị quân của Trịnh Tùng đuổi bắt, điệu về Thăng-long làm tội và bị đem đầu vào bêu trong Thanh-hóa ; nhà Mạc bị mất ngôi từ đấy. Song còn cháu họ Mạc vẫn chưa chịu bỏ tay.

Một người chú họ của Mạc Mậu-Hợp là Mạc Kính-Cung được một người tướng trung-thành là Mạc Ngọc Liễn giúp đỡ, lập lên làm vua. Nhà Mạc chiếm giữ châu Yên-bắc ở Lạng-sơn để làm căn-cứ.

Được ít lâu, một vị tướng của Trịnh Tùng là Hoàng Đình-Ai (1) đem quân lên đánh Vua tôi nhà Mạc phải bỏ chạy sang Long-châu.

Chẳng bao lâu, Mạc Ngọc-Liễn mắc bệnh chết. Trước khi nhắm mắt, Ngọc-Liễn còn đề thư lại dặn Kính-Cung rằng :

— Bây giờ nhà Lê lại khởi lên được, đó là lòng trời định thế. Dân ta có tội-lỗi gì

(1) Người Vĩnh-lộc, có dũng-cảm và nhiều mưu-cơ, giúp vua Lê chúa Trịnh đánh quân Mạc nhiều trận rất là oanh-lật. Đường-thời, ai cũng phục là một vị võ-tướng có học-thừa và tinh binh-pháp. Ngày nay được tôn-giữ ở miếu « Lịch-dại-đế-vương ».

mà rồi đề khô vì chiến-tranh ? Nay ta nên cam phận lánh thân ở nước ngoài, đừng có tranh-dành làm gì nữa, chỉ tỏ khiến cho quân Tàu kéo sang làm hại dân nước ta thôi !

Lời nói trung-bậu và sáng-suốt biết bao ! Nhưng tiếc rằng chỉ vì tham-vọng lớn mà Kinh-Cung không chịu nghe theo, cứ cầu-cứu với nhà Minh. Cũng may thay lúc bấy giờ vua Minh cũng đã yếu-ớt và sắp nhìn thấy cái họa mất ngôi, nên không thể dạm-dỏ được ; nếu không, lòng tham-vọng của Kinh-Cung cũng đã là một dịp « rước voi về giày mồ » rồi !

48.— Tiết nghĩa vẹn toàn

Trong đời Lê-Mạc phân tranh, có một người đàn bà vì sắc đẹp mà làm cho thời-cục mấy lần xoay chuyển.

Người đó là bà Nguyễn Tự-Niên, con gái thừa-trưởng nhà Mạc, Thường quốc-công Nguyễn Quyên và vợ Mỹ quận công Bùi Văn-Khuê.

Bà được người đương-thời cho là một vị « tuyệt-thể giai-nhân ». Bà lại còn nổi tiếng vì văn hay, võ giỏi.

Dưới triều Mạc Mậu-Hợp, nhà vua thấy bà nhan-sắc hơn người, muốn tìm cách giải chông bà, để định nài hoa, ép liêu.

Bùi Văn-Khuê biết ý đem vợ lánh về quê nhà ở vùng Gia-viễn (1). Mạc Mậu-Hợp cho quân vào bắt. Bất-dắc-dĩ, Văn-Khuê phải xin về hàng với Trịnh Tùng.

Thế là vì ham mê sắc đẹp mà vua Mạc mất một người tướng giỏi.

Nhưng sau khi Mạc Mậu-Hợp đã bị quân Trịnh bắt được giết đi, Trịnh Tùng lấn át vua Lê quá mức. Các quan lấy làm công-phẫn.

Tháng hai năm canh-tí (1600), Bùi Văn-Khuê cùng với Kế quận-công Phan Ngạn, Tráng quận-công Ngô Đình-Nga nổi lên đánh lại quân Trịnh.

Trịnh Tùng thấy thành Thăng-long bị đánh bốn mặt, phải rước vua Lê Kính-tông vào Thanh-hóa.

Song mục-dích của Phan Ngạn gây ra cuộc đại loạn ấy, chỉ là để cướp lấy bà quận Mỹ, mà sắc đẹp đã làm cho y mê-mạn như Mạc Mậu-Hợp trước kia. Cho nên sau khi đã đánh bại được quân Trịnh, Phan Ngạn kéo

(1) Bùi Văn-Khuê quê ở làng Chi-phong, huyện Gia-viễn, phủ Trường-yên, trấn Sơn-nam (nay thuộc Ninh-bình).

quân đến chỗ Bùi Văn-Khuê đóng, rồi giả làm quân họ Trịnh, lừa cho chiến-thuyền của quân Mỹ vào một chỗ hiểm giữa ba dòng sông, rồi đánh ập lại.

Bùi Văn-Khuê bị trúng tên chết ngay giữa trận.

Được tin chồng chết, bà quận Mỹ đau xối vô-cùng. Bà rước linh-cữu chồng về táng tại làng Chi-phong, rồi nhất quyết trả thù cho bằng được.

Bà đóng quân ở Hoàng-giang (1), rồi tự làm tướng tiến đánh quân Phan Ngạn. Quân của y bị hãm vào tứ-diạ, và bị phục-binh bốn phía kéo đến bắn ra như mưa. Phan Ngạn bị trúng tên ngã xuống sông chết (2).

(1) Theo huyện Gia-viễn.

(2) Cũng có sách kể rằng: sau khi Bùi Văn-Khuê chết, Phan Ngạn nhờ người đến hỏi bà làm vợ. Bà hẹn gặp Phan Ngạn trên một chiếc thuyền ở sông Hoàng-giang, rồi lừa hai mươi người đàn ông cải-trang làm đầy tớ gái theo hầu, Phan Ngạn cho người đi thám-thính, thấy toàn đàn gái không nghi-ngại gì, liền xuống thuyền. Bà quận Mỹ chuốc rượu cho Phan Ngạn uống thục say rồi cắt đầu mà về chôn.

Theo Khâm-dịnh Việt-sử thông-giám cương-mục thì là cầm quân khích-lệ sĩ-tốt, bắn chết Phan Ngạn ở giữa sông Hoàng-giang.

Bà quận Mỹ đã trả thù được cho chồng, liền ra lệnh thu quân ; vớt xác Phan Ngạn đem về lập đàn tế Văn Khê, rồi chẩy xuống sông Hoàng-giang tuần-tiết, sau khi đã dặn lại hai con là Văn-Nguyên và Văn-Chương phải đem quân bản-bộ vào Thanh-hóa qui-thuận với vua Lê.

Cái gương tiết-liệt của bà còn chói lọi trong sử sách ; và ở giữa đám dân quê vùng Ninh-bình, người ta còn luôn luôn nhắc đến bậc liệt-nữ ấy.

Ngày nay, về làng Chi-phong, huyện Gia-viễn, ta còn được thấy ngôi đền, tục gọi là « đền Trinh-liệt » hay là « đền bà quận Mỹ », đề dòi dơi người ta sùng bái một bậc giai-nhân đã giữ được tiết-ngĩa vẹn toàn.

44. — Tránh nợ Liễu Thăng.

Từ khi Trịnh Tùng lập nghiệp chúa, vua Lê dần dần mất hết quyền, việc cai-trị ở trong tay chúa Trịnh cả.

Trong hơn một thế-kỷ, từ Trịnh Tùng (1570-1623) đến Trịnh Cương (1709-1729), cha truyền con nối, các chúa đều chặn chỉ, sửa-sang việc nước, nên thần-dân cũng dần dần quen với chế-độ mới ; các' sĩ-phu cũng đã chùn đem tài ra giúp việc trị-bình.

Về thời An-đô-vương Trịnh Cương, có một bậc danh-thần rất là cương-trực : ông Nguyễn Công-Hằng.

Đỗ tiến-sĩ năm 21 tuổi, ông được làm đốc-trấn An-bang (Quảng-yên).

Một lần chép một bài thơ ngũ-chế đời Lê Hồng-thuận (1), ông viết lầm một chữ : trong bài thơ có câu : 巨浸汪洋朝百川 (cự tằm ương-dương triều bách xuyên), ông chép chữ 巨 (cự) ra chữ 匪 (táp), bị các bề hạy chế cười. Ông phần-chi từ chức ở nhà học, mãi đến lúc thực giỏi mới ra cung chức.

Khi làm Binh-bộ tả-thị-lang, ông được cử đi sứ sang Tàu, đề xin bãi cái lệ cống người vàng :

Nguyên năm đinh-mùi (1427), quân của vua Lê Thái-tổ giết mất hai đại-tướng của nhà Minh là Liễu Thăng và Lương Minh ở núi Đảo-mã-pha (2), nên sau khi ta sang cầu-phong, vua Minh đặt cái lệ « Đại thân kim nhân », nghĩa là cứ ba năm nước ta lại phải đúc hai người bằng vàng đem sang cống.

Cái lệ đó cứ kéo dài ra mãi (3). Khi nhà Mạc cướp ngôi của nhà Lê, muốn lo-lót với

(1) Tức là Lê Tương-dục (1510-1516).

(2) Xin đọc bài thứ 35.

(3) Thực ra mãi đến đời vua Quang-trung, Nguyễn Huệ, ta mới phá được cái lệ cống đó. Sau khi quét sạch 20 vạn quân của Tôn Sĩ-Nghị, vua Quang-trung lại giao-thiệp với người Tàu.

người Minh, cống những người vàng vừa to vừa nặng. Đến khi nhà Lê trung hưng, người Tàu lại đòi người vàng và hạch-sách rằng người vàng đem cống nhỏ và nhẹ hơn trước. Phải một nhà ngoại-giao bất-thiệp như ông Phùng Khắc-Khoan (1) mới thu xếp được êm việc người vàng hề hơn mẫu của họ Mạc.

Tổng-đốc Lương-Quảng là Phúc Khang-An xin vào lệ cũ đòi phải cống người vàng. Vua Quang-Trung phẫn-khúng, viết một bức thư trong có những câu :

“...至於金人舊形入朝。唐虞三代以及漢唐宋元嘗有是。大人豈布數聲。亦繼以隆古治朝之史。張美意令諸下國。”

(Chỉ là kim nhân thế hình nhập triều. Đường-Ngu, Tam-tại, từ đời Hán, Đường, Tống, vị thường hữu thị. Đại-nhân tuyên-bố giáo-thành, diệc duy dĩ long cổ trị triều chí lương-pháp, Mỹ-y lĩnh chư hạ-quốc...)

Dịch : Đến như việc bắt người vàng thế hình vào chầu, thì từ Đường-Ngu, Tam-tại, cho đến Hán, Đường, Tống cũng đều chưa làm thế. Ngai đã tuyên-bố tiếng giáo-hóa, cũng nên đem phép hay, ý tốt của những triều thịnh trị ngày xưa, mà sai bảo các hạ-quốc...

Vua nhà Thanh phẫn-khúng-bộ và tặng vua Quang-trung câu thơ này :

勝朝往事鄙金人

Thắng triều往事 sự bỉ kim nhân

(Triều thịnh cho sự cũ bắt cống người vàng là đáng bỉ).

(1) Tên thật Bàng, hiệu là Nghị-trai, người làng Phùng-xá, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây. Khi đi sứ Minh, ông đã

Năm Khang-hi thứ 57 nhà Thanh (1718).
vì người Tàu lại đòi lệ cũ, ông Nguyễn Công
Hăng trả lời rằng :

— Liễu-Thắng là tướng của nhà Minh ;
bây giờ đương đời nhà Thanh, thống-thuộc
cả muôn nước, mà cứ khư khư đòi của hối-
lộ để báo-thù cho người xưa, thì khuyên thế
nào được người ta đến với mình?

Người Tàu lại còn bắt cống mấy chính
nước ở giếng Loa thành để rửa ngọc trai.
Ông Hăng sang đến Tàu mới múc nước khe
núi đem cống. Khi người Thanh rửa bát

đem tài ứng-đối ra bênh vực quyền-lợi cho vua Lê, và làm
cho người Minh cảm-phục.

Năm canh-ngọ (1630), chúa Nguyễn Sài-vương nghe lời ông
Đào Duy-Tử sai người đem trả sắc-đụ vua Lê. Tờ sắc để trong
cái mâm đồng hai đáy có kèm bài thơ này :

矛 而 勝 敵	能 非 見 跡
Mâu nhi vô địch	Nịch phi kiến tích.
愛 落 心 腸	力 來 相 敵
Ái lạc tâm tương	Lực lai tương địch.

Trịnh Tráng phải nhờ đến ông Phùng Khắc-Khoan mới
đoán được rằng: chữ 矛 không có nơi phải là chữ 予; chữ
見 không có chữ 見 là chữ 不; chữ 愛 không có chữ 心
ở giữa là chữ 愛; chữ 力 chữ 來 đứng ngược nhau là chữ
勑; cả câu là 予不受勑 (dư bất thụ sắc, nghĩa là: ta
không chịu sắc).

châu không thấy hiệu-nghiệm nữa, trách ông, ông biện-thuyết rằng:

— Đường xa lâu ngày, tất cái khí biến đổi.

Và vậy lệ cống nước rửa hạt châu cũng nhờ ông mà được bỏ.

Ông Nguyễn Công-Hăng không những có công trong việc ngoại-giao mà lại còn chăm lo việc nội-trị: Ông thường đem lời ngay thẳng mà can-gián vua chúa.

Một lần ông mặt tâu với Trịnh Cương rằng:

— Thế-tử nhu-nọa lắm, không thể gánh được việc lớn.

Thế-tử đây là Trịnh Giang.

Rồi ông lại làm một tờ khải, trong nội rằng:

— Biết con không ai bằng cha. Xin chúa-thượng sớm lo-liệu để yên xã-tắc.

Trịnh Cương nhận tờ khải cất vào tráp, để xét sau. Một hôm gặp kỳ đại-lễ, Trịnh Giang tỏ ra là một người thất-nghi. An-đô-vương định truất ngôi thế-tử, nhưng chưa thành-nghi, chúa đã mất.

Trịnh Giang lên nối ngôi chúa, lấy tên là Uy-nam-vương. Vì lúc thấy tờ khải của Công-Hằng, nên bãi chức ông, đẩy lên Tuyên-quang rồi sai người đánh thuốc độc cho chết.

Thế là người cương-trực đã chết vì lời nói thẳng !

45.— Tấm gương tiết-liệt

Vì Trịnh Giang là một người tàn-ác, dâm-dật, nên trong nước giặc-giã nổi lên tứ-tung.

Trong bọn giặc hời bấy giờ, ghê-gớm nhất có tên Nguyễn Hữu-Cầu, tức là quận He, ở Hải-dương (1).

Hữu-Cầu quí-quyết lắm, có khi bị vây hàng mấy vòng, mà chỉ một mình một ngựa cũng trốn thoát, rồi chỉ trong mấy ngày lại tụ-tập được hàng vạn quân ngay.

Hồi ấy ở Quỳnh-lưu, có một người thiếp của ông Hồ Phi-Tích, Binh-bộ thượng-thư nhà Lê, tên là Chân-Thị.

(1) Nguyễn Hữu-Cầu quấy rối vùng Đồ-sơn, Văn-dồn, Thị-cầu, Yên-dũng, Cẩm-giăng trong tám năm. Mãi đến năm thứ-mười (1751) mới bị tướng-quân Phạm Đình-Trọng đuổi đánh ở Nghệ-an và bắt được, đóng cũi đem về nộp Trịnh Doanh.

Ông Phi-Tịch qua đời, Chân-Thị tuy chỉ là một người nàng hầu cũng nhất-định thủ-tiết cùng chồng.

Nhưng nàng lại là người có sắc đẹp. Vừa khi ấy, quân He kéo quân đến. Nghe tin nàng có nhan-sắc, y đến tận nhà bắt nàng phải đi theo.

Chân-Thị, vẻ mặt tự-nhiên, xin phép cho vào lay nhà thờ chồng rồi sẽ đi cùng.

Quân giặc tưởng thực, dẫn nàng đến trước bàn thờ ông Phi-Tịch. Nàng thắp hương khóc lay rồi rút con dao giấu sẵn trong mình, tự đâm cổ chết.

Quân He thấy thế cũng phải cảm-phục người tiết-liệt.

Trong « Việt-sử tổng-vịnh », vua Tự-đức có tóm-tắt chuyện ấy trong bốn câu Đường luật:

一笑傾城醉賊心
應機善給孰能侵
夫祠拜別將安適
自有龍泉已在襟

Nhất tiếu khuynh thành túy lạc tâm,
Ứng cơ thiện đại thực năng tâm.
Phu từ bái biệt tương an thích ?
Tự hữu long-toàn dĩ tại khâm.

Dịch :

*Sắc đẹp nghiêng thành khiến giấc say,
Tùy cơ khéo đối, dễ lừa ai.
Đền chồng lạy biệt đi đâu nhỉ ?
Một lưỡi long-toàn sẵn nắm tay.*

46.— Thái-tử có tội gì ?

Từ khi nhà Lê trung-hưng, các vua Lê chỉ ngồi làm vi, chứ không có một chút quyền-bành gì. Ở phía bắc, bao nhiêu việc cai-trị đều ở tay chúa Trịnh cả. Nhà chúa cũng cha truyền con nối như nhà vua : nhà vua lập thái-tử thì nhà chúa cũng đặt thế tử.

Về cuối đời vua Lê Hiền-tông (1740-1786) thái-tử là Lê Duy-Vỹ, một ông hoàng thông-minh và học rộng. Chúa Minh-đô-vương Trịnh Doanh đã hứa gả con gái là Tiên-Dung quận-chúa cho, nhưng con trai chúa là thế-tử Trịnh Sâm lại ghét cay ghét độc thái-tử, chỉ muốn tìm cách hãm-bại.

Khi Trịnh Sâm lên nối ngôi chúa, lấy lên là Tĩnh-đô-vương, nghĩ ngay đến việc trừ ông hoàng Duy-Vỹ.

Năm tân-mão (1772), Tĩnh-đô-vương vu cho thái-tử thông-gian với phi-lân của cha mình, rồi sai hai viên hoạn-quan tay chân là Vũ Huy-Đỉnh và Hoàng Ngũ-Phúc vào nội-điện bắt Duy-Vỹ hạ ngục.

Vua Lê Hiền-tông muốn bênh con, nhưng không có thế-lực gì, đành ngồi nhìn cho bọn vũ-phu giải thái-tử đi.

Duy-Vỹ phải giáng xuống làm thứ-dân và bị bỏ trong ngục kín.

Song Trịnh Sâm vẫn chưa hả giận. Khi còn làm thế-tử, đã có lần y thề trước mặt Duy-Vỹ rằng: « Hai ta phải một sống một chết » (1), thì nay sẵn quyền trong tay, y

(1) Tục truyền rằng: một hôm trong Trịnh-phủ có yến-tiệc, Trịnh Sâm cùng ngồi một mâm với thái-tử. Bà vương-phi, là mẹ Tiên-Dung quận-chúa, có bắt Sâm ngồi xuống chiếu dưới và nói: « Tuy là Rùa anh em, nhưng có nghĩa vua tôi; dẫu ở trong nhà cũng không nên bỏ lễ tôn-ty ». Từ đấy Sâm thù Duy-Vỹ. Khi thái-tử ra ngoài cửa phủ, thế-hử ngăn lại mà thề rằng: « Hai ta phải một sống một chết ».

chẳng còn ngần-ngại gì mà không bịa ra một cơ thứ hai nữa để giết người thù.

Cớ đó là vu cho Duy-Vỹ mật-mưu với mấy người thân-tín là Lương Giản, Vũ Bá-Cảnh và Nguyễn Lệ để vượt ngục ra ngoài làm loạn.

Lương Giản, sớm biết, trốn được thoát. Còn Vũ Bá-Cảnh và Nguyễn Lệ thì bị bắt và bị tra-tấn đến cực-hình.

Nguyễn Lệ kháng-khái khai rằng :

— Thái-tử là vị trư-quân của nước, không có tội gì mà bắt nhục. Nếu mưu cho thái-tử vượt ngục ra, thì chính là một nghĩa-cử. Nhưng thực ra tôi không được dự vào mưu đó. Nay đánh đập mà vu cho, thì là phi-dũng; lấy không làm có, thì là phi-nghĩa vậy. Và thái-tử ở trong ngục thì làm thế nào mà bàn mưu được. Thôi chỉ có một cái chết là cùng ! Tôi không biết khai thế nào nữa.

Bọn Vũ Huy-Dĩnh và Hoàng Ngũ-Phúc, mặc dầu những lời lẽ cứng cỏi ấy, cứ kết án Nguyễn Lệ, Vũ Bá-Cảnh và thái-tử Duy-Vỹ phải chịu tử-hình, để vừa lòng chúa của chúng.

Tính-mệnh của người ngay trong tay bọn
qui-quyết thực chỉ như ngọn đèn dầu trước
con gió lốc.

47. — Trò hèn thầy phải chết

Năm bính-ngọ (1786), vua Tây-sơn Nguyễn Nhạc sai em là Nguyễn Huệ đem quân thủy, bộ ra đánh Thuận-hóa. Trong có mấy ngày mà đất đai đến tận Linh-giang (sông Gianh) đều thuộc về Tây-sơn.

Sau khi lấy được Thuận-hóa, Nguyễn Huệ nghe lời Nguyễn Hữu-Chính (1) kéo quân ra đánh Bắc-hà.

Nguyễn Huệ dùng mưu (2) phá tan chiến-thuyền của tướng Đinh Tích-Nhuông, quét,

(1) Tức Cống Chính, tức Bổng-quận-công, một tay gian-hung đã làm đảo-lộn chính-cục nước ta về cuối thế-kỷ thứ 18.

(2) Khi nghe thấy quân Tây-sơn đã đến đóng ở sông Vị-hoàng, tướng Đinh Tích-Nhuông đem thủy-quân ra giữ cửa Luộc. Nhân lúc bấy giờ có gió đông-nam thổi mạnh, Nguyễn

sạch quân của Thái-dinh-lầu Trịnh Tự-Quyền, rồi kéo quân lên lấy Thăng-long.

Chúa Đoan-nam-vương, Trịnh Khải mặc nhung-y, ngồi voi, cầm cờ thần đốc tướng-sĩ.

Nhưng khi quân Tây-sơn đến, quân Trịnh sợ hãi bỏ chạy. Nguyễn Huệ vào thành, sai đốt phủ chúa Trịnh.

Trịnh Khải lên voi chạy lên phía Sơn-tây.

Đến làng Hạ-lôi (huyện Yên-lãng), chúa Trịnh gặp viên thiêm-sai-tri-lại-phiên là Lý Trần-Quán đương chiêu-mộ nghĩa-binh ở đấy.

Lý Trần-Quán là người làng Vân-canb, huyện Từ-liêm, đỗ tiến-sĩ năm bính-tuất (1766) Ông là người chất-phác, giản dị và rất có hiếu: khi cư-tang cha mẹ, làm nhà ngay bên mộ và ở đấy ba năm để giữ tròn đạo làm con.

Huệ sai làm người gõ, đặt lên mấy chiếc thuyền, rồi cho quân đánh trống kéo cờ thả những thuyền ấy cho trôi đi trước. Đinh Tích-Nhượng tướng quân Tây-sơn đến, liền giăng trận rồi truyền bắn vào rất dữ. Đến lúc thuốc đạn đã gần hết, thì đại-quân của Tây-sơn mới kéo đến thực, thành thử quân nhà Trịnh không chống nổi phải tan-rát.

Lý Trần-Quán biết ý chúa Trịnh Khải muốn đi lánh nạn, liền sai một tên học-trò là Nguyễn Trang (1) đi hộ-vệ. Nhưng ông không muốn cho tên môn-sinh của ông biết tung-tích Đoan-nam-vương, nên ông bảo y rằng :

— Đây là quan tham - chính Bùi Huy-Bích (2), nhờ anh đưa qua khỏi địa-dân.

Song Nguyễn Trang biết rõ người đó là Trịnh Khải, bèn cùng bọn đầy tớ bắt đem nộp Tây-sơn.

Lý Trần-Quán được tin vội-vàng chạy theo, lấy nghĩa đồ Trang. Trang thần-nhiên đáp :

— Sợ thầy không bằng sợ giặc, yêu chúa không bằng yêu mình !

Rồi nhất-định y kéo Trịnh Khải đi.

Không muốn chịu nhục, Đoan-nam-vương khoét rốn tự-tử.

Lý Trần-Quán thất-vọng, quay về quán trọ nói với chủ-quán rằng :

(1) Có sách nói Nguyễn Trang là bạn thân của Trịnh Khải.

(2) Tên là Hy - chương, biệt-hiệu là Tồn - sơn cư-sĩ, người làng Thịnh-hệ, huyện Thanh-trì, trấn Sơn-nam, làm quan đến Lại-bộ thi-lang, kiêm quốc-tử-giám lễ-tửu, phong Kế-liệt-hầu. Ông là người có đức-độ, có khí-phách và ưa giấu-dị.

— Tôi là bề tôi, mà làm lầm chúa, tội thực đáng chết. Không chết thì tỏ sao được lòng này !

Ông lại nhờ chủ quân dặn con cái ông dân ở từ đường thờ ông đôi câu đối này :

三 年 之 孝 已 全

Tam niên chi hiếu dĩ toàn

十 分 之 忠 未 做

Thập phần chi trung vị tở

(Ba năm đạo hiếu đã vẹn toàn ;

mười phần lòng trung chưa làm trọn.

Rồi ông bĩu-bĩu tìm cái chết...

Người sau, có người làm thơ diếu ông, trong thơ có câu sau này :

自 古 人 生, 生 有 死

Tự cổ nhân sinh, sinh hữu tử,

死 於 國 事, 死 猶 生

Tử ư quốc - sự, tử do sinh.

(Từ xưa người đời có sống thì có chết ;

chết về việc nước thì chết cũng như sống

Nguyễn Trang vì lừa thầy phản chúa, nên được hổ trắng thủ Sơn-tây.

Nhưng về sau, quân Tây-sơn rút về Nam, vua Chiêu-thống truy-tặng cho ông Lý Trần-Quán làm thượng-thư và bắt Nguyễn Trang xé xác tể ở trước mộ Trịnh Khải.

Lý Trần-Quán và Nguyễn Trang thực là hai cái thái-cực !

48.— Chàng đi theo nước, thiếp theo chồng (1)

Năm Bính-ung (1786). Nguyễn Huệ theo lời Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân từ Thuận-hóa ra Thăng-long.

Sau khi phá tại thủy-quân của Đinh Tịch-Nhượng và bộ binh của Trịnh Tự Quyền, quân Tây-sơn hạ thành Sơn-nam, rồi kéo thẳng lên đến sông Thủy-ái (2).

Thủy-quân của chúa Trịnh bị thua, chạy tán-loạn. Chỉ có viên đô-thống Ngô Cảnh-Hoàn cùng với một số ít quân là dám can đảm đánh tới cùng. Cảnh-Hoàn đứng ở mũi

(1) Câu này trích ở một bài thơ vịnh bà Phan Thị-Thuần của ông Dương Bá-Trạc.

(2) Nay thuộc huyện Thanh-trì, Hà-đồng.

thuyền thúc quân chống-cự, chẳng mấy bị quân Tây-sơn bắn trúng, ngã xuống sông chết.

Được tin ấy, cả nhà khóc-lóc thảm-thiết. Riêng có bà vợ lẽ của ông là Phan Thị-Thuần (1) vẫn giữ nét mặt thản-nhiên và không chịu thay mặc áo tang.

Thấy thế có người nhạo, bà thung-duong trả lời :

— Chết vì việc nước là chết phải đường, có gì là đáng buồn !

Được một tháng, bà ra bờ sông Thủy-ái, lập đàn cúng ông Cảnh-Hoàn, rồi bà mặc đồ điều nhảy xuống nước chết theo chồng.

Dân làng Thủy-ái kính-phục người tiết-liệt lập miếu thờ bà.

Về sau, một thi-sĩ vô-danh có làm bài hát nói sau này đề tỏ lòng cảm-phục :

慷 慨 從 王 易 從 容 就
義 難. Kháng-khái tông vương dị, thung-
dung tự nghĩa nan. (2) Phận bọt bèo, xiết

(1) Bà quê làng Đan-nha, huyện Thạch-hà.

(2) Nghĩa là: kháng-khái theo vua thì dễ, thung-dung chết vì nghĩa mới khó.

pồi khách hồng-nhan, lòng vàng đá, mảy thua
lòng Tiên-trạch ! (1) Trung sở sự, chàng đành
kiệt-lực, nhất nhĩ chung, nàng vẹn chữ tòng.
Lấy áo xiêm mà trả nợ non sông, đem lòng
trắng giải cùng bích-thủy. 珥江鋒鏑
網常淚翠靄波濤節義身
Nhĩ giang phong trịch cương thường lệ, Thủy-
ái hà đào tiết-nghĩa thân. (2) Người Ngọt-nữ,
kẻ trung-thần, gương trước để soi chung lại-
thể. Nào là kẻ trung-thần nghĩa-sĩ, để cương-
thường một dang phụ-nhân ! Đùn đùn khói
lửa giang-tân !

(1) Yếu là ông Ngô Cảnh-Hoàn.

(2) Hai câu này tác-giả trích ở trong một bài thơ của
ông Hồ Sách, một vị quan đời Lê-mạt, để ở miếu bà Phan
Thị-Thuần.

Nghĩa là :

Giáo-guam Nhĩ-hà rõ giọt lệ cương-thường ;

Ngon sông Thủy-ái đượ tâm thân tiết-nghĩa.

49. — Mệnh phải thế!

Khi Nguyễn Huệ đánh tan quân Trịnh, vào thành Thăng-long, các triều-phần đều hoảng-bối bỏ trốn cả. Riêng có ông Hình-bộ thượng-thư đồng-binh-chương-sự Trần Công-Thước (1) là cứ can-đảm mặc nhuộm-phục đeo gươm hộ-giá lên lầu Ngũ-long.

Đến khi Bắc-binh-vương đã giữ lễ thần-tử vào điện Vạn-thọ lạy vua Lê Hiến-tông

(1) Trần Công-Thước là người làng Yên-vý (tổng Yên-cảnh, phủ Khoái-châu,河南 Hưng-yên ngày nay). Trước lấy tên là Công-Xấu 崇猷 sau đổi là Công-Thước 崇德. Ông sinh năm tân-hợi (1741), đỗ tiến-sĩ khoa nhâm-thị (1772) đời vua Lê Cảnh-Hưng, được bổ chức hiến-sát. Năm canh-tí (1780) được cử đi sứ Tàu. Khi đi sứ về, được thăng ngự-sử và được phong tước hầu.

Năm ất-tý (1785), được thăng chức tham-tụng; năm binh-ngọ (1786) được cất lên chức Hình-bộ thượng-thư đồng-binh-chương-sự.

năm lay để tỏ ý tôn-phù, thì triều-thần lại dần dần kéo nhau về. Nhưng họ thấy Nguyễn Huệ có uy-vũ, đều tỏ vẻ sợ-sệt. Duy chỉ có Trần Công Thước là vẫn giữ vẻ tự-nhiên, nói năng đường-hoàng, không làm mất phong-thể một bậc đại-thần.

Nguyễn Huệ thấy thế nói với Nguyễn Hữu-Chỉnh rằng :

— Ta nghe nói Bắc-hà có nhiều nhân-tài, mà nay chỉ thấy có một mình Trần Công-Thước là có dáng người mà thôi !

Khi vua Tây-sơn Nguyễn Nhạc ra Thăng-long gọi Nguyễn Huệ rút quân về Nam, Nguyễn Hữu-Chỉnh vì là người giáo-quyết, bị bỏ rơi lại đất Bắc. Nhưng Chỉnh vội-vàng xuống thuyền theo vào phía nam. Thấy Chỉnh theo về, vua Tây-sơn không nỡ bỏ, cho ở lại giữ đất Nghệ-an.

Được ít lâu vì Trịnh Bồng tỏ ý biếp-chế vua Chiêu-thống, người nối nghiệp vua Hiền-tông, nhà vua phải mật-chiếu vào với Nguyễn Hữu-Chỉnh ra giúp.

Nguyễn Hữu-Chỉnh ra Bắc, diệt hẳn họ Trịnh, rồi nắm cả quyền-hành.

Chính liền xui vua Chiêu-thống cho người vào Phú-xuân đòi lại trấn Nghệ-an.

Triều-đình đồng-thanh cử Trần Công-Thước.

Tuy không chắc gì vào đã có kết-quả, nhưng Trần Công Thước cũng vui lòng nhận. Vua Chiêu thống phong ông làm chánh-sứ, còn chức phó-sứ thì để tùy ý ông chọn.

Trần Công-Thước xin cho Ngô Nho (1) đi theo, vì ông biết Nho là người kháng-khải, cương-trực.

Nhà vua sai Phan Lê-Phiên và Nguyễn Hữu-Chính thảo quốc-thư rồi giao cho Trần Công-Thước.

Lúc ông ra đi, các quan-tiền chân ra ngoài cửa ô. Riêng Nguyễn Hữu-Chính đi theo xa hơn. Khi sắp chia tay, ông căn-dẫn với Chính rằng :

— Bắc-bình-vương bắt-trắc lắm. Vị-lát y đã trả đất Nghệ-an. Nhưng đã phụng-mệnh đi, tôi cũng sẽ lựa chiều mà biện-bạch. Còn việc phòng-thủ thì sau khi tôi đi, ông nên

(1) Chính ông Trần Công-Thước đã lấy Ngô Nho đỗ khoa thi cống-cử năm Ất-tỵ (1735). Nào rủa coi ông như một thầy

thận - trọng. Ông nên chia quân đóng đồn nhiều núi Thanh-hóa để ngăn cản bộ-binh và cạo cấm cừ ở các lòng sông mại Sơn-nam để phòng mặt thủy. Nếu Bắc-binh-vương trở mặt mà ra đánh thì ta đã sẵn phòng-bị rồi, không bị vội-vàng, bối-rối.

Song Chính tự-đắc không thêm làm theo.

Đến địa-dầu huyện Quỳnh-lưu, tướng của Tây-sơn là Vũ Văn-Nhậm chỉ cho Trần Công-Thước, Ngô Nho và hoàng-thần Lê Duy-An (1) cùng 18 người tùy - tùng vào Phú-xuân mà thôi, còn bao nhiêu quân lính bắt trở lại cả.

Xem tình-hình khó lòng mà đòi được trấn Nghệ-an, Ngô Nho có bản với Công-Thước nên sửa lại quốc-thư để giữ toàn đại-cục.

Công-Thước gạt đi mà rằng :

— Chúng ta vâng mệnh đi sứ, mà mới ra ngoài cõi đã đổi quốc-thư, là mang tội với vua. Vả nếu Bắc-binh-vương biết là chúng ta đổi-trá, tất cũng chẳng dung nào.

Khi đến Phú-xuân, Trần Công-Thước đem nộp lễ-vật và trình quốc-thư.

Bắc-binh-vương xem thư nổi giận, quát rằng :

(1) Có sách viết là Lê Duy-Hiến 黎維顯

— Người nào viết thư này mà toàn nói những câu vô-lý thế? Người Bắc chỉ quen lấy miệng lưỡi mà dối người, nhưng nào ta có phải là trẻ con đâu mà lừa dối ta được.

Công-Thước ung-dung thưa :

— Xin đại-vương bớt giận. Cho tôi nói một câu, rồi có muốn giết, chúng tôi cũng xin cam chịu.

Bắc-binh-vương vốn nể Công-Thước, nên dịu giọng mà rằng :

— Trước đây ta vượt bể ra Bắc, phá thành Thăng-long, diệt họ Trịnh, ai nấy đều sợ hãi bỏ tay. Khi ấy, ta xưng vương, xưng đế gì mà không được. Nhưng chỉ vì ta mộ-tức của Tiên-đế mà trả lại giang-sơn, như thế cơ-nghiệp nhà Lê chẳng phải là nhờ ta tái-tạo ư? Thế mà vua Lê phong cho ta chức « thượng-công » ta chẳng biết « thượng công » là danh-biện gì. Lúc Tiên-đế thắng-hà, sơn-lăng, đại-lễ do tay ta lo-liệu, đến lúc Tự-tôn lên ngôi, cũng do ta chủ trương. Nay đã không nhớ ơn lại còn dung-túng một kẻ phản ta, đề mưu tranh đất Nghệ-an, thế thì abin làm sao được! Ta đã sai Vũ Văn-Nham đem ba vạn binh-mã ra chém đầu cha con tên Chính.

Khi đại-quân đến, thế nào Chính cũng đem Tự-hoàng đi trốn. Trong vòng mũi tên bôn đạn, không phân ngọc đá, không biết Tự-quân có an-toàn được không. Nếu mệnh-hệ nào, dân nước lại cứ qui-oán vào ta.

Công-Thước đáp:

— Xưa vua Lê Thái-tổ bình giặc Ngô, gây dựng non sông, công to tày trời. Đến vua Thánh-tông lập ra điều-tắc, gây nền bình-trị, từ núi Thạch-bì ra bắc, từ núi Đại-lĩnh vào nam, chỗ nào cũng qui-phục cả. Được gần trăm năm, họ Mạc nổi lên xâm-chiếm, ai nấy đều căm giận. Rồi ông Nguyễn Kim củ-bộp đồng-chí, khôi-phục lại như cũ. Đến chúa Trịnh, vì lấy danh-nghĩa tôn-phù, nên bốn phương thiên hạ hưởng-ứng. Tuy bị áp-chế, nhưng chính-sắc vẫn theo nhà Lê, vậy thì thiên-hạ vẫn là thiên-hạ nhà Lê. Đại-vương ra đánh Thấu-long, uy-danh lừng-lẫy, nhưng dễ thành công cũng là nhờ cái tiếng tôn-phù. Đức Tiên-đế trước phong cho Đại-vương tước công, sau phong tước vương, theo điển-lễ của bản-triều, cũng là quan-trọng, không phải là không hạn. Nhà Lê giữ ngôi báu tròn ba trăm năm, được Trời, Phật phù-trì, lòng

người qui-thuận, Đại-vương đem trả lại giang-sơn cho nhà Lê thì cũng là thuận ý trời, hợp lòng người mà thôi. Khi Tự-tôn mới lên ngôi, việc gì cũng phải hỏi ý Đại-vương, vậy thì Đại-vương chủ-trương cho mọi việc cũng là phải lẽ. Còn khi Đại-vương kéo quân về Nam, lưu Chính ở lại, không cho y đi theo, sao lại bảo là y làm phản ? Trần Nghệ-an nguyên là đất của bản-triều, bản-triều muốn xin lại, sao gọi là tranh ? Nếu Đại-vương phái quân ra Bắc mà để thăm hỏi, thì sẽ có lẽ nghiênh-tiếp ; nếu không thì « nước lớn có quân đánh dẹp, nước nhỏ cũng có phương chống giữ ». Tôi nay đã ra khỏi nước, việc ấy không dám biết đến. Còn Tự-hoàng chúng tôi, trời cho làm vua thì bậc đế-vương đã có chân-mệnh, mũi tên hòn đạn cũng phải lựa chọn, Đại-vương hà-tất phải lo. Đại-vương cứ thuận lẽ Trời mà làm, cứu nước nguy, giúp người bị, thì thần-dân trong nước, ai là chẳng cảm - phục công-đức. Còn việc đời thay-đổi, kẻ ngu thần không thể biết trước được.

Thấy Công-Thước ứng-đối trời chày, Bắc-bình-vương bảo rằng :

— Thôi, ông hãy ra nhà trọ nghỉ lại cho kỹ đã.

Thuốc đáp :

— Bẩm nghĩ lắm chỉ thêm quần thôi. Nếu Đại-vương thuận cho thì may, bằng không kẻ ngu-thần chỉ còn một cái chết nữa thôi.

Bắc-bình-vương nổi giận sai hạ ngục.

Ngồi trong ngục, Công-Thước vẫn vui-vẻ như thường. Nhân bưng viết lên vách đôi câu đối :

達德有三, 縱未能知願學;
Đạt đức hữu tam, tòng vị năng tri nguyện học;

小心無二, 行其素也何尤?
Tiểu tâm vô nhị, hành kỳ tố dã hà vu?

(Đạt đức có ba, nếu chưa được đủ, xin học;
lòng mọn không hai, làm theo ý riêng, oán gì?)

Cái khẳng-khải của Thuốc khiến Tư-mã Ngô Văn-Sở khuyên Bắc-bình-vương nên giết ông đi; nhưng tiếc người có tài, Vương sai bọn Trần Văn-Kỷ đến dỗ Thuốc về hàng.

Khi Kỷ tới ngục, thấy Thuốc đương đeo gông uôm, Kỷ bèn hỏi:

— Ngươi tuổi-tác, có gì mà tự mình làm khổ mình như thế?

Thước thân nhiên trả lời:

— Mệnh phải thế!

Kỷ vận rằng:

Người quân-tử có khi không cần theo mệnh, ví như khi đánh bạc, thì đồng tiền có khi sắp khi ngửa, ta phải đánh sao cho được.

Thước ngắt lời nói:

— Đó là mẹo của phường cờ-bạc, không phải là đạo của người quân-tử. Tôi thường nghe lời thánh-hiền răn: « Làm bề tôi phải giữ trung mà chết ».

Bọn Trần Văn-Kỷ biết Công-Thước lòng dạ sắt đá, phải ngậm-ngùi bước ra mà than rằng:

— Nhà Hán có Tô Tử-Khanh, nhà Lê có Trần Công - Thước, thực đáng thương mà cũng đáng ghét.

Lúc bấy giờ, anh em Tây-sơn có sự bất-hòa, Bắc-bình-vương không muốn đề sứ Bắc-hà ở Phú-xuân, e tiết-lộ nội-tình.

Vương liền sai đô đốc Vũ Văn-Nguyệt sắm thuyền đưa sứ về.

Khi bọn Công-Thước vào hải-biệt, vương dụ rằng :

— Các ông cứ về trước, chờ khi ta ra. Bắc sẽ liệu khu-xử.

Wương lại đưa cho sứ-giả một trăm lạng bạc, nói là của Ngọc-Hàn công-chúa đưa tặng.

Tháng ba năm đinh-vị (1787), thuyền nhỏ neo ra khơi. Mười ngày sau, đến cửa Đan-nhai, thuộc trấn Nghệ-an. Khi đó, có một người học-trò cũ của Trần Công-Thước, tên là Nguyễn Hiên, người huyện Nghi-lộc, nghe tin thầy đi qua, mừng rỡ ra đón.

Vì thấy đồ-đốc Nguyệt có vẻ hung-ác, Hiên mời thầy lên đi đường bộ về Bắc. Nương Nguyệt không bằng lòng bắt thuyền lại kéo buồm ra khơi.

Ra đến giữa bể, đồ-đốc Nguyệt sai đục thuyền cho nước chảy vào, làm cho thuyền đắm. Cả bọn Trần Công-Thước đều chết đuối.

Được tin người trung-nghĩa bỏ mình vì việc nước, cả đất Bắc-bà đều thương-xót.

Trong « Việt-sử tổng-vịnh », vua Tự-đức khen Trần Công-Thước trong bốn câu thơ này :

投書虎穴豈身憂
回首叮嚀預備謀
抗辨虜廷詞理正
死忠原不待沉舟

Đầu thư hổ huyết khỏi thân ưu

Hồi thủ đình ninh dự bị mưu

Kháng biện lỗ đình từ lý chính

Tử trung nguyên bất đãi trầm châu

Dịch :

Hạng cop đưa thư hà ngại-ngùng ?

Đình-ninh quay lại dặn mưu-chung.

Triều Tây, ngay thẳng lời tranh luận,

Chẳng đợi chìm thuyền mới chết trung.

50°. — MỘT ÔNG BAO-CÔNG VIỆT - NAM

« Thương em anh cũng muốn vô,

Sợ trướng nhà Hồ, sợ phá Tam-giang »

Trướng nhà Hồ là một khoảng đất hoang rộng, tên chữ là Hồ-xá 胡舍 (thuộc huyện Minh-linh, tỉnh Quảng-trị), hồi đầu thế-kỷ thứ 18 thường có bọn cường-đạo họp nhau ở đây để cướp bóc người qua đường, nên ai qua đó cũng sợ.

Còn phá Tam-giang là một vùng nước bề ở xứ Bàu-ngược (làng Vĩnh-xương và Kế-môn, thuộc huyện Quảng-diên, tỉnh Thừa-thiên), nước thì sâu mà dòng chảy quanh co, cứ đến mùa thu, mùa đông thường có sóng to, thuyền bè qua lại nhiều chiếc bị đắm.

Năm nhâm-dần (1722), ông Nguyễn Khoa-Đặng (1) được bổ chức nội-tán, rồi được cử đi kinh-lý cái trướng và cái phá ghê-gớm ấy.

Đến Hồ-xá, ông tìm cách bắt hết bọn ăn cướp và trị tội rất nghiêm, nên người qua lại được bình-yên. Một lần có tên gian cướp của một người đi buôn một số giấy lớn ; ông đã tìm hết cách mà truy không ra. Vì hồi ấy giấy rất đắt và rất hiếm, ông nghĩ kế bắt mỗi người dân số-tại phải khai họ tên và chỗ ở vào một tờ giấy. Thấy có dịp bán được lời, kẻ gian kia đem giấy ra bán, ông liền bắt được.

Còn ở phá Tam-giang, thì ông bắt dân đào thẳng dòng sông cho bớt thể nước, thành ra sông không lớn nữa, thuyền bè buôn bán đi lại rất tiện.

Trong khi làm án-sát, ông xử-đoán rất công minh và thần-diệu : một lần, có kẻ trộm đưa bị có người đem đến cắt phá một phần ruộng, đến kêu với ông, nhưng không biết là ai ăn trộm. Ông liền cho thu hết cả đao, liềm

(1) Ông gốc-tích ở Hải-dương. Ông tổ là Nguyễn Đình-Thần theo ông Nguyễn Hoàng vào Nam, nhập-tích huyện Mương-trà, phủ Thừa-thiên, đổi họ là Nguyễn Khoa.

trong bếp, rồi cho người lấy lửa liếm thử. Có một cái liềm có vị đắng, ông bắt người có liềm tra hỏi, thì quả là người ăn trộm dưa.

Một lần khác, có một người bán dầu bị một người mù ăn cắp tiền; người mù ý mình tội-nghuyền không chịu thú; ông hằng bắt lấy tiền của người dúi thả vào chậu nước, thì quả-nhiên có mảng dầu nổi lên, người ăn cắp không còn chối cãi được nữa.

Lại một lần, xử một vụ trộm lớn, ông đã biết rõ họ tên bọn gian-phi, nhưng không bắt được tang-vật. Ông liền nghĩ một kế thần-tinh: nhân trong vùng có một viên đá lớn ai cũng thờ kính như thần, ông cho người đào kín một cái hầm ở dưới viên đá đó, rồi cho người thân-tín ngồi núp ở dưới. Sáng ngày, ông họp dân-gian quanh viên đá thần, rồi ông tấn hỏi tang đá, ai nấy đều nghe thấy, vắng-vắng trong đá có tiếng vạch rõ tên họ bọn ăn trộm. Ông liền cho bắt bọn ấy, chúng đều nhận, không dám cãi nữa.

Ông Nguyễn Khoa-Đặng không những là người mẫn-tiếp, sáng-suốt như Bao công đời Tống, mà lại còn là người rất cương-trực, không nể những kẻ quyền-thế :

Hồi đó, các hoàng-thần quốc-thích ăn tiền xa-xỉ, thường vay mượn tiền kho không trả. Ông tâu với chúa Nguyễn Phúc-Chu rằng:

— Phép nước phải bắt từ người gần theo trước thì việc mới nên.

Một bà trưởng công-chúa vay tiền nhiều quá mà quan giữ kho không dám đòi. Ông liền sai mấy đứa thị-tỳ rình khi bà công-chúa đi ra, níu lấy xe đòi hỏi. Bà công-chúa giận quá, vào cung kêu với chúa rằng:

Chúa - thượng không giúp được người chị hay sao ? nở để cho nội-tán làm càn !

Chúa Phúc-Chu phải an-ủi chị rồi lấy tiền trả hộ bà chúa. Từ đấy, bao nhiêu kẻ vay tiền kho đều phải đem trả, không dám dể trễ.

Cũng vì ông cương-trực như thế, nên trong triều có nhiều người ghét.

Năm ất-tý (1725), chúa Nguyễn Phúc-Chu mất. Ông nội-hữu chưởng-dinh Nguyễn Cửu-Thể vu cho ông mưu việc phế-lập, rồi giả lời di-mệnh đòi ông. Ông đi đến nửa đường thì bị giết.

Lúc mất, ông mới có 35 tuổi.

50^o — Đông Tây gặp gỡ bước đầu

Người Tây-phương bắt đầu tiếp-xúc với bờ-cõi nước ta từ thế-kỷ thứ 16. Nhưng thực ra từ thế-kỷ thứ 17 trở đi, cuộc giao-thiệp giữa người Âu-châu và người mình mới thực rõ-rệt.

Người Âu sang ta đầu tiên là những nhà buôn và những giáo-sĩ. Trước hết có người Bồ-đào-nha, rồi sau đến người Hòa-lan, sau nữa mới đến người Anh, người Pháp.

Người Bồ ở phía nam nhiều, nhất là ở Hội-an (tức Faifo thuộc địa-phận Quảng-nam). Ở phía bắc, thì có nhiều người Hòa ; họ mở cửa hàng ở Phố-hiền (gần tỉnh-lỵ Hưng-yên ngày nay).

Lúc bấy giờ nước ta đang ở vào thời-kỳ Nam Bắc phân-tranh. Chúa Trịnh và chúa Nguyễn đều muốn nhờ người Tây-phương giúp mình chống lại với kẻ địch. Song người Bồ và người Hòa chỉ nghĩ đến lợi riêng về sự buôn bán, chứ không chịu phù-tá các chúa. Và lại vì tranh-giành quyền-lợi mà người Bồ cứ tìm cách xui-siêu cho người Nam ghét người Hòa.

Đã thế, người Hòa lại vừa giao-thiệp với chúa Nguyễn vừa giao-thiệp với chúa Trịnh.

Cho nên khi chúa Thượng (Nguyễn Phúc-Lan) được tin người Hòa giao-thiệp thân-thiện với chúa Trịnh, thì tỏ vẻ tức-giận lắm.

Bởi thế năm tân-tý (1641), nhân có hai chiếc tàu Hòa mắc cạn ở gần cù-lao Chàm, chúa Thượng cho bắt một số thủy-thủ bỏ tù. Cũng năm ấy, người Hòa phải bỏ cửa hàng ở Hội-an, và giao cho một người Nhật ở Thuận-hóa tên là Risemondono trông nom giúp.

Theo cổ Bénigne Vachet (1) thì sở-dĩ người Hòa phải bỏ cửa hàng Hội-an, là

(1) Cổ Bénigne Vachet sang ta từ năm 1673. Cổ có viết nhiều thư nôi đến những việc xảy ra trong nước ta; nhất là tập « Bút-ký về xứ Đàng-trong » của cổ có nhiều tài-liệu giá-trị.

vì họ đánh-đập một người Việt-Nam đến chết. Họ nghi người ấy ăn trộm hàng rồi đánh, nhưng khi người ấy đã bỏ mạng, thì họ vu cho rằng vì lấy trộm hàng, bị bắt quả-tàng mà tự-tử để tránh lỗi.

Việc ấy vỡ lở ra, quan trấn-thủ Quảng-nam vội-vàng ra Kinh-tàu cùng chúa Thượng. Chúa nghe nói càng thêm tức-giận, giao cho quan trấn-thủ toàn-quyền xử-trí.

Quan trấn-thủ liền đến Hội-an, cho bắt cả bốn người Hòa-trời lại, rồi sai lính khám cả làng-hóa của họ ra sân đốt, hoặc cho đồ xuống bể. Chín người Hòa bị bắt về dinh quan trấn-thủ. Sau cuộc tra-xét, bảy người trong bốn họ, vì tội cố-ý sát-nhân, phải kết án xử-tử, còn hai người được tha bổng, và cho đáp tàu khách về Batavia (1) để kể cho người Hòa biết việc đã xảy ra.

Được tin bi-thảm ấy, công-ty Hòa-lan ở Batavia liền cho năm chiếc-tàu với 152 thủy-binh và 70 hộ-binh sang ta để trả thù.

(1) Kinh-đô xứ Java. Người Hòa-lan lấy được đất Java (Sở ta gọi là Qua-oa) từ năm binh-thần (1596).

Viên thuyền-trưởng Van Liesvelt đồ bộ, nhưng bị quân ta ủa-ra / đánh. Van Liesvelt và mười tên lính bị tử-rận. Vì căm tức quân ta, viên phó - tướng Van Linga liền sai chặt đầu hai-mươi người Việt-Nam bị bắt từ trước, nhưng y không dám lên bộ để trả thù cho Van Liesvelt.

Chúa Thượng muốn rửa hờn cho hai-mươi người dân vô-tội đã vì Van Linga « giận cá chém thớt » mà bỏ mạng, liền bắt một người Hòa trong bọn bị cầm tù đem ra pháp-trường thẩm-quyết.

Van Linga, không có cách gì trả thù được, nhân lúc bất ngờ đồ bộ vào mấy làng ở bờ biển, bắt 107 người Việt-Nam rồi kéo buồm chạy thẳng ra biển.

Từ đó người Hòa định giúp chúa Trịnh để đánh chúa Nguyễn.

Cuối năm quí-mùi (1643) (1), người Hòa cho ba chiến-thuyền dưới quyền chỉ-huy của tướng Pierre Back, từ hải-cảng Jambec (2) sang ta.

(1) Theo Thực-lục thì trận đó vào năm giáp-thân (1644).

(2) Ở đảo Sumatra.

Khi họ đến bờ bể Quảng-nam(1), thì sáu-mươi chiến-thuyền Việt-Nam, dưới quyền chỉ-huy của thế-tử Nguyễn Phúc-Tân xông ra đánh.

Chiếc tư-lệnh-hạm của người Hòa, vừa to nhất vừa chậm nhất trong ba chiếc, bị bốn chiến-thuyền của ta xúm vây, quân ta chặt gãy bánh lái, kéo ngã cột buồm rồi bấu lấy hai bên sườn tàu. Viên thuyền-trưởng Hòa-lan thấy tình-thế thất-vọng, phải châm lửa vào kho thuốc súng để phá cho tàu đắm rồi chết theo với tàu.

Còn hai chiếc tàu khác của người Hòa thì, theo tài-liệu của cố Alexandre de Rhodes, một chiếc bị người Nam đuổi theo gấp rồi đâm vào đá mà vỡ, còn một chiếc thì chạy thoát ra Bắc...

Ấy đấy, vào giữa thế-kỷ thứ 17, chiến-thuyền của ta, trong bước đầu Đông Tây gặp gỡ đã nắm được một chiến-công oanh-liệt, khiến sau ba trăm năm, chúng ta đọc lại đoạn lịch-sử này, cũng còn thấy thom lây :

(1) Theo cố Vachet, thì trận hải-chiến này ở vùng Hàn; theo người lái buôn Anh là Thomas Bowyear thì lại ở gần cửa Thuận-an.

nhất là ta đã được biết rằng hồi ấy người Hòa-lan có một cái sức mạnh bất-chúng, đi đến đâu cũng làm cho người ta cũng phải run sợ (1).

Vì thế trong tập Du-ký của cố Alexandre de Rhodes, cố có viết câu sau này thực là làm vẻ-vang cho nòi giống ta biết bao :

« Người Hòa-lan đã bị thiệt-hại mà được kinh-nghiệm rằng : những thuyền Việt-Nam có thể nắm thắng-lợi khi công-kích những chiếc tàu to của họ, những chiếc tàu mà họ tưởng có thể giúp họ làm chúa-lề trên mặt bể ». (2)

(1) Sử-gia Maybon có theo lời một người-Tàu ở Quảng-đông mà thuật về người Hòa-lan như thế này :

« Ils sont les plus méchants et les plus intraitables de tous les hommes. Semblables à des tigres et des loups féroces, ils jettent l'effroi partout. Dès qu'ils ont abordé à quelque terre, ils cherchent les moyens de s'en rendre maîtres. Leurs vaisseaux sont à l'épreuve des tempêtes, chacun porte au moins 100 canons. Personne ne peut leur résister »

(Họ là những người hung-ác và khó chơi nhất đời. Đi đến đâu là họ gieo sự kinh-khủng đến đó, khác nạo những giống hồ lang dữ tợn. Đến một đất nào, là họ tìm ngay cách chiếm lấy đất ấy. Tàu của họ đã dạn dày gió bão; chiếc nào cũng có ít nhất là một trăm khẩu thần - công. Không còn ai dám chống lại họ nữa. »

(2) « Les Hollandais... ont expérimenté à leur préjudice qu'elles (les galères annamites) peuvent attaquer avec avantage leurs grands vaisseaux avec lesquels ils se croient les maîtres de la mer » (Divers voyages, page 63).

51. — Dân là gõe nước

Dưới đời chúa Nguyễn Phúc - Khoát, có một bậc công-thần vừa khảng-khải vừa có mưu-tri. Người đó là Nguyễn Cư Trinh (1).

Lúc nhỏ ông đã dĩnh-ngộ khác thường. Năm canh-thân (1740), ông đỗ hương-cống, được bổ tri-phủ. Mười năm sau đã được thăng tuần-phủ Quảng-ngãi.

Khi ấy trong tỉnh có mọi Đá-vách thường quấy-nhiều, quan quân đánh mãi không được.

Mọi người đều tỏ vẻ nản lòng, vì e nơi làm-chương. Muốn kích-thích tướng tá, ông làm ra truyện « Sãi vãi », rồi tự đem quân đi đánh. Quân Mọi bị thua, xin hàng.

(1) Ông người làng An-hòa, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên, con ông Nguyễn Đăng-Đệ.

Năm tân-vi (1751), thấy tình - cảnh dân - gian cực-khổ, ông dâng một đạo sớ đề xin cải - cách việc chính-trị cho bớt sự nhúng-lạm. Trong sớ có câu này :

— Dân là gốc nước ; gốc không bền thì nước không yên. Ngày thường chẳng có ơn để kết lòng dân, thì khi có việc biết nương-cậy vào đâu ?

Năm quý-dậu (1753), vua Chân-lạp là Nặc Nguyên hà-hiệp rợ Côn-man (1), ông được cử đi đánh.

Quân Chân - lap thua : bốn phủ Lôi-lạp, Tầm-bôn, Cầu-nam, Nam-vang đều xin hàng ; Nặc Nguyên phải bỏ thành Nam-vang chạy sang Hà-tiên nhờ Mạc Thiên-Tứ.

Thiên-Tứ dâng thư nói Nặc Nguyên xin cắt hai phủ Tầm - bôn và Lôi-lạp để chuộc tội và xin cho về nước. Chúa Nguyễn không nghe. Nhưng ông Cư-Trình phải tâu bề lợi-hại, xin cho Nặc Nguyên về nước, để rồi dùng kế « tâm thực » (2) mà lần dần đất của Chân-lạp.

(1) Côn-man là nơi người Chiêm-thành sang tụ-hợp ở đất Chân - lap. Người Côn - man ở dưới quyền che-chở của chúa Nguyễn.

(2) Nghĩa là như tằm ăn lá.

Chẳng bao lâu Nặc Nguyên mất, chúa Nguyễn phong cho Nặc Tôn làm vua. Nặc Tôn dâng đất Lâm-phong-long. Ông Nguyễn Cư-Trinh nhân cơ-hội ấy mở-mang bờ-cõi và đặt các dinh, các đạo ở các tỉnh Vĩnh-long, Sa-đéc, Châu-đốc ngày nay. Nhờ có tài hoạt-bát của ông, một phần đất Chân-lạp đã thuộc về chúa Nguyễn.

Lúc Trương Phúc-Loạn chuyên-quyền, chính ông đã nói :

— Làm loạn thiên-hạ, chắc là người ấy.

Tiệc thay ông mất sớm (1), không thể cứu-vãn được thời-cục !

(1) Ông mất năm Đinh-hợi (1767) thọ 52 tuổi, bốn năm trước khi Nguyễn Nhạc nổi lên ở Tây-sơn.

52. — Thầy trung, tờ nghĩa.

Nguyễn Nhạc mới nổi lên lấy thành Qui-nhon được ít lâu, thì phía bắc có Hoàng Ngũ-Phúc đem quân Trịnh vào đóng ở Quảng-nam, còn phía nam có viên tiết-chế của chúa Nguyễn là Tống Phước-Hiệp giữ ba phủ Bình-thuận, Diên-khánh và Bình-khánh.

Muốn được yên về mặt bắc, Nguyễn Nhạc sai người đem thư và vàng lụa ra xin nộp đất Quảng-ngãi, Qui-nhon và Phú-yên cho Hoàng Ngũ-Phúc, và xin nhận làm tiền-khu đi đánh chúa Nguyễn.

Đối với phía nam, Nguyễn Nhạc giả vờ lấy nghĩa phủ-lập chúa Nguyễn để Tống Phước-Hiệp không đề-phòng.

Năm ất-vị (1775), bất-thình-linh, Nguyễn Nhạc sai em là Nguyễn Huệ vào đánh quân chúa Nguyễn.

Tổng Phước-Hiệp sai viên chưởng-cơ Bùi Công-Kế đem binh theo đường núi mà đánh quân Tây-sơn. Nhưng Công-Kế bị thua và bị bắt.

Tướng Tây-sơn muốn dụ hàng, nhưng Công-Kế không chịu, mắng giặc mà chết.

Trong khi ấy, một tên đầy tớ của Công-Kế tên là Khổ được Tây-sơn tha cho về, nhưng Khổ khăng-khăng nói rằng :

— Chủ-tướng tôi chết rồi, tôi sống làm gì !
Rồi nhất-định xin chết theo chủ, cho vẹn nghĩa thầy trò.

Ai ngờ đâu một kẻ thường dân nhỏ mọn như thế mà cũng trọng nghĩa hơn cả tính-mệnh !

58. — Nghĩa bắt phải chết

Năm giáp-ung (1774), Trịnh Sâm sai đại-tướng Hoàng Ngũ-Phúc vào lấy Phú-xuân.

Chúa Nguyễn Phúc-Thuần sai đem quân thủy, quân bộ ra án ngự ở sông Phú-lễ (thuộc huyện Quảng-diên, Thừa-thiên). Nhưng quân bộ Nguyễn bị đánh tan, bỏ chạy cả. Hoàng Ngũ-Phúc tiến vào thành Phú-xuân, trong khi chúa Nguyễn và các quan tùy-tùng chạy vào Quảng-nam.

Được ít lâu chúa Nguyễn phải xuống thuyền vào Gia-dịnh, giữa lúc ban đêm. Viên tham tán Nguyễn Đăng-Trường (1) không kịp đi theo, phải trốn vào ẩn trong làng Xám.

(1) Người huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.

Năm binh-thâu (1776), ông Trương quyết ý vào Nam theo chúa : ông cho vợ và con ở lại nhà bên ngoài, rồi đem mẹ ra biển để kéo buồm vào Gia định. Nhưng thuyền ông chẳng may bị gió thổi bạt vào cửa Thi-nại, bị quân Tây sơn bắt.

Ông Nguyễn Huệ nghe ông Trương là người hiền, lấy lễ đối-dãi tử-tế và ngỏ ý cảm lại, nhưng ông cố từ không chịu. Ông nằng-nặc xin với ông Huệ cho đi theo chủ cũ, để trọn nghĩa chúa tôi.

Ông Huệ nói :

— Tiên-sinh lúc này đi là có ý dừng lại trời đất, nhưng không xong dân, ta e sau này lại ăn-năn không kịp.

Ông bình-lĩnh trả lời :

— Trượng-phu ở đời lấy trung - hiếu làm đầu ; nay tôi phò mẹ theo vua, thì nghĩa đã rõ ; còn như cùng, thông, đặc, tắng là tại mệnh, có hối-hậu gì !

Ông Huệ khen là người chí-khi, rồi cho đi, lại tiễn châu vàng, lụa, nhưng ông không nhận.

Năm đinh-dậu (1777), ông Nguyễn Huệ vào đánh Gia-định. Quân chúa Nguyễn thua. Ông Trương bị bắt.

Ông Huệ hỏi rằng :

— Ngày nay, tiên sinh tính sao ?

Ông điềm-tĩnh đáp :

— Ngày nay, nghĩa bắt phải chết, hễ chúa bị nhục, thì bề tôi chết là bổn phận, còn hỏi gì ?

Rồi điềm-nhiên ông chịu tử-bình.

54.— Tuy thân sẵn có dao

Nhà Tây-sơn đã làm chúa Bắc-hà rồi, nhiều bậc danh-sĩ ở đất Hoan. Ai nhất-định giữ khí-tiết, không chịu phục-lòng triều-đình mới.

Trong số những người giữ vẹn tiết-thảo, có Trần Phương Bính là người rất khảng-khải.

Ông là người làng Ngọc-diên (Thạch hà, Nghệ-an), con ông Trần Danh-Tổ, tiền-sĩ triều Lê.

Là một người thông-minh và có học-hành, ông nhất-định không chịu ra thi để làm quan với triều Tây-sơn.

Ông lại rất hường-bình đến nỗi không thèm đeo tía-hài của nhà Tây-sơn. Vì thế có

một lần ông bị bắt và bị nộp quaa đốc trấn là Trần Quang Diệu. Nhưng Quang Diệu miễn tội học, tha cho ông về.

Song, không phải vì được tha mà ông nhãng việc khôi phục giang sơn cho vua cũ. Nhân ở hai Thiên-lộc có một bọn người đứng lên xưng nghĩa cầo-vương, ông nhân làm quân-sư cho họ, rồi đóng binh ở chân núi Hồng-sơn, ông hằng-hải giao-chiến với quân Tây-sơn. Vì thế yếu, nghĩa-binh bị đánh tan-rát.

Không chịu lọt vào tay quân địch, ông leo lên một ngọn núi cao, vào một ngôi chùa, dẽ lên vách bốn câu thơ, rồi lấy dao tự đâm chết.

Bốn câu thơ ấy như sau này :

報 國 無 長 策
隨 身 有 短 刀
回 頭 鴻 嶺 上
九 十 九 峯 高

Báo quốc vô trường sách
Tùy thân hữu đoản đao

Hồi đầu Hồng-linh thượng
Cửu thập cửu phong cao

Dịch :

*Báo quốc không còn kể,
Tùy thân sẵn có đao.
Quay đầu Hồng-linh đó,
Chín chín ngọn cao cao !*

55.— Chúng dẫn thân đến chỗ chết!

Về cuối thế-kỷ thứ 18, nước ta có một vị anh-hùng cái-thế, mà cái võ công oanh-liệt đã lừng-lẫy từ bắc chí nam, khiến cho các nước láng-giềng đều phải e-dè, kiêng-nể.

Đấng anh-hùng đó là ông Nguyễn Huệ, mà một nhà viết sử gần đây đã so-sánh với hoàng-đế Na-pô-lê ông đệ-nhất.

Ông Nguyễn Huệ chỉ là một người dân mặc áo vải, giúp anh là Nguyễn Nhạc dấy binh ở ấp Tây-sơn (1): Bốn lần vào đánh đất Gia-định ông đều được toàn-thắng.

(1) Nay thuộc làng An-khò và làng Cửu-an, phủ Hoài-anh, tỉnh Bình-định.

Năm giáp-thìn (1784), vua nước Xiêm cho hai vạn quân và 300 chiến thuyền sang giúp Nguyễn-vương. Ông Nguyễn Huệ được tin ấy, kéo quân từ Qui-nhơn vào, dẫn quân Xiêm đến gần Rạch Gầm và Xoài-mút (1) rồi đánh chúng một trận kinh-hồn, phá tan hai vạn quân Xiêm, chỉ còn vài nghìn người chạy thoát lấy thân.

Năm bính-ngọ (1786), ông vâng lời anh ra lấy Thuận-hóa. Chỉ trong có mấy ngày mà bao nhiêu đất-đai từ phía nam ra đến sông Gianh đều về tay ông cả.

Lấy được Thuận-hóa rồi, ông theo lời bàn của Nguyễn Hữu Chỉnh ra Bắc diệt họ Trịnh.

Đến khi đã trước được thế-lực của chúa Trịnh, ông đem cả giang-sơn xã-tắc giao lại cho vua Lê. Cử chỉ thực là quang-minh, chính-đại! Tư cách thực là cao-thượng, anh-hùng!

Nhưng chẳng may vua Chiêu-thống là người bất-tài và ủy-mị, bao nhiêu quyền-bính để cho Trịnh Bồng và Nguyễn Hữu-Chỉnh

(1) Ở phía trên Mỹ-tho.

chuyên tay nhau nắm giữ. Vì thế ông Nguyễn Huệ phải sai người ra trừ Hữu-Chỉnh và tự đem quân ra chinh-đốn lại đất Bắc-hà, rồi lại quay về Thuận-hóa.

Trong khi binh-sĩ Tây-sơn kéo ra Bắc, vua Chiêu-thống phải chạy sang Kinh-bắc, lên núi Muc-sơn ở miền Yên-thế, lần-lút ở đất Lạng-giang để lo việc khôi-phục. Còn bà hoàng-thái-hậu thì đem hoàng-tử sang Long-châu cầu-cứu với người Tàu. Viên tổng-đốc Lương - Quảng là Tôn Sĩ-Nghị và viên tuần-phủ Quảng-tây là Tôn Văn-Thanh họp nhau tại Nam-ninh. Thái-hậu nhà Lê dẫn hoàng-tử đến, khóc lóc xin cứu-viện. Bọn Sĩ-Nghị dâng biểu tâu với vua Càn-Long nhà Thanh xin cho quân sang cứu vua Lê. Chúng lại thêm vào câu sau này đủ tỏ cái dã-lâm của chúng :

« Về lại, nước Nam là đất cũ của nước Tàu. Sau khi khôi-phục nhà Lê, nên để quân ở lại, thì nhà Lê còn, mà ta lại lấy được nước Nam. »

Vua nhà Thanh chuẩn-y, hạ chiếu cho Tôn Sĩ-Nghị tuyển quân ở Quảng-đông, Quảng-Tây, Vân-nam và Quý-châu để sang cứu vua Lê.

Mùa đông năm mậu-thân (1788), quân nhà Thanh chia làm ba đạo sang đánh Tây-sơn :

Đạo thứ nhất do đề-tổng Văn-nam và Qui châu là Ô Đại-Kinh đem sang, theo đường Tuyên-quang ;

Đạo thứ nhì do viên tri-phủ Điền-châu là Sầm Nghi-Đồng kéo sang, theo đường Cao-bắc ;

Đạo thứ ba, chính Tôn Sĩ Nghị và viên đề-đốc Hứa Thế-Hạnh dẫn sang, theo cửa Nam-quan vào địa-bạt Lạng-sơn.

Quân nhà Thanh đi đến đâu như lửa bén đến đó : các tướng Tây-sơn đều bị thua chạy.

Viên trấn-thủ Lạng-sơn là Phan Khải-Đức phải xin hàng. Tướng Tây-sơn là Ngô Văn-Sở sai nội-bàn Phan Văn-Lân đem binh cheu đường quân Tàu ở Thị-cần.

Quân nhà Thanh phá tan quân Tây-sơn rồi giữ núi Tam-tăng ở huyện Yên-dũng. Sĩ-Nghị đánh úp đồn Thị-cần và đốt cháy dinh-trại.

Phan Văn-Lân phải chạy về Thăng-long, quân Thanh đuổi đến tận bờ sông Nhị-hà,

Ngô Văn-Sở biết không thể giữ nổi Thăng-long, bèn thu quân vào giữ đèo Ba-dội (1) và sai người vào Phú-xuân cáo-cấp.

Trình-bình trong nước lúc bấy giờ thực là có cực : dân gian thì đói kém vì mất mùa và vì cái va chiến tranh ; triều-dinh thì lộn-xộn ; vua Chiêu-thống thì vừa hẹp-hạ, vừa hẹp-hòi :

Sau khi thấy Sĩ-Nghị kéo quân sang đến Kinh-bắc, nhà vua khúm núm ra chào rồi theo về Thăng-long. Tuy được thụ-phong là An-Nam quốc-vương, nhưng các văn-thư vẫn phải đề niên-liệu Căn-long ; hàng ngày nhà vua phải sang chầu-chực ở dinh Sĩ-Nghị để bàn việc quân-quốc ; nhiều khi Sĩ-Nghị lại không thèm tiếp mà chỉ sai người na truyền rằng :

— Không có việc gì, xin ngài về cung nghỉ.

Thực là nhục-nhấ vô cùng !

Đã thế, nhà vua lại hết sức nhỏ mọn, chỉ chăm lo việc báo ân, báo oán : nào sai giết bọn con gái tở-tửu đã lấy trượng-sĩ Tây-sơn, nào sai chặt cuân ba vị hoàng-thúc

(1) Tức là núi Tam-diệp, ở chỗ phân địa-giới Ninh-bình và Thanh-hóa.

đem ném ở góc chợ, đến nỗi bà hoàng-thái-hậu khi ở Tán về phải giậm-dội, than-khóc.

Khi tướng Tây-sơn vào Phú-xuân báo cho Bắc-bình-vương biết tin quân nhà Thanh đã chiếm giữ đất Bắc, vương cười mà rằng :

— Trương-hoàng ra thế, chứ chẳng hề gì. Phen này chúng tự dẫn thân đến chỗ chết đấy.

Lập-tức Vương hội các tướng-sĩ để bàn việc đem binh ra đánh quân Thanh. Vương truyền cho mọi người ăn tết Nguyên-đán trước, để đến hôm ba-mươi tết cất quân đi, định đúng ngày mồng bảy tháng giêng sẽ vào thành Thăng-long mở tiệc khao-thưởng.

Theo lời xin của các tướng-tá, Vương sai đắp đàn ở Bàn-sơn, thuộc địa-phận xã An-cụu (tỉnh Thừa-thiên) rồi Vương làm lễ tế Trời, lên ngôi hoàng-đế, lấy hiệu là Quang-trung.

Ngày trừ-tịch, vua Quang-trung kéo quân ra Bắc. Qua Nghệ, Thanh, lấy thêm tám vạn quân, duyệt binh ở Thọ-hạc (thuộc Đông-sơn, Thanh-hóa), rồi gửi một lá thư lời lẽ rất khâm-nể, ra vờ xin hàng trước, để lừa giặc.

Nhà vua tự cất-đặt ba quân : tiên-phong có đại-tư-mã Sở và nội-hầu Lân ; hậu-quân có Hàm-hồ-bầu. Đại-đô-đốc Lộc và đô-đốc Tuyết phải theo đường bẻ lên Lục-đầu-giang, để tiếp-ứng phía đông và chặn đường phía bắc ; đại-đô-đốc Bào và đô-đốc Mưu thì theo đường núi ra đánh phía tây (vào vùng huyện Chương-mỹ và huyện Thanh-tri ngày nay).

Tôn Sĩ-Nghị từ khi vượt qua ải Nam-quan, đánh trận nào thắng trận ấy, có ý khinh-thị.

Quân Tây-sơn từ phía nam tiến ra như gió lướt, đánh bại những đám nghĩa-quân của vua Lê tan vỡ cả. Đến sông Nguyệt-quyết, gặp toà quân Tàu, nhưng quân Thanh chưa đánh đã chạy. Vua Quang-trung thúc quân đuổi đến Phú-xuyên rồi bắt sống được cả bọn, không một tên nào có thể về báo được, cho nên quân Tàu đóng ở xã Hà-hồi (1) và xã Ngọc-hồi (2) không biết tí gì.

Nửa đêm ngày mồng bốn tháng giêng năm kỷ dậu (1789), quân Tây-sơn đến vây kín đồn Hà-hồi ; vua Quang-trung bắc loa gọi tướng

(1) Thuộc huyện Thượng-phúc.

(2) Thuộc huyện Thanh-tri.

sĩ, tiếng « dạ » ran một góc trời, quân trông đồn sợ-hãi đều xin hàng ; bao nhiêu quân-lương, khi-giới đều phải nộp cả.

Mờ-mờ sáng hôm mồng năm tết, nhà vua kéo quân đến xã Ngọc-hồi. Quân Thanh bắn đạn ra rào-rào. Nhà vua ngồi mình voi đốc-chiến, cho hơn một trăm voi tiến trước, rồi sai quân khiêng 50 mảnh ván ghép ba có quần rơm tẩm nước, để che cho bọn quân kiêu-dũng tiến lên bằm đồn giặc. Bọn quân cảm-tử ấy mỗi người giắt một con dao nhọn xông vào chém quân giặc. Quân nhà Thanh chống không nổi, chạy tán loạn, chết năm ngồn-ngang. Bọn tướng Tàu như Hứa Thế-Hạnh, Trương Sĩ-Long, Thượng Duy-Thăng đều tử-trận. Viên tướng nhà Thanh đóng ở Loa-sơn (1) là Sầm Nghi-Đổng, vì không có quân cứu-viện phải thắt cổ chết.

Tôn Sĩ-Nghị đóng ở bờ sông Nhị-hà, nghe tin báo, hoảng-hốt nhảy qua lũy, để sang sông chạy lên phía bắc. Bọn tâu quân cũng ùa chạy theo, nhưng cầu phao vỡ, quân nhà Thanh chen nhau ngã xuống sông, chết đuối rất nhiều.

(1) Tức Đổng-đa ở cạnh Thái-hà-ấp, gần Hà-nội, trước chùa Đổng-quảng.

Trưa ngày mồng bảy tháng giêng, đúng như lời hứa trước với quân-sĩ, vua Quang-trung ngồi trên mình voi cùng ba quân vào thành Thăng-long, mở tiệc khai-hoàn, sau khi đã đánh một trận « chớp nhoáng » như các nhà cầm quân có biệt-tài ngày nay.

Bây giờ hàng năm, cứ đến ngày « giỗ trận » (1) dân Hà-thành nô-nức kéo nhau xuống thăm chùa Đồng-quang, không biết có còn nhớ lại cái chiến-công oanh-liệt của vua Quang-trung đại phá quân Thanh ở trận Đống-da không?

(1) Nhằm ngày mồng năm tháng giêng.

56. — Thà chết không chịu hàng.

Ông vua cuối cùng nhà Lê, vua Chiêu-thống, là một ông vua lao-đao khổ-sở nhất, nhưng trong cuộc đời luân-lạc của ông, ông có cái may-mắn được một bọn bề-tôi có tiết-tháo, trung-thành với ông cho đến phút cuối cùng.

Trước hết hãy nói đến Trần Danh-Án.

Danh-Án là người xã Bảo-triệu, huyện Gia-định (nay là Gia-bình, Bắc-ninh), đỗ tiến sĩ năm Chiêu-thống thứ hai, làm quan viên-ngoại-lang.

Nhưng cái hoạn-dở của ông cũng vì vận nước ngửa-nghiêng thành ra long-đông vất-vả.

Sau khi tướng Tây-sơn là Võ Văn-Nhậm đem quân ra Bắc để bắt Nguyễn Hữu-Chỉnh, nhà vua phải rời thành Thăng-long, thì cuộc đời của Danh - Ân cũng bắt đầu vào vòng chìm-nổi.

Không còn bám-biu vào đầu, vua Chiêu-thống chỉ còn một kế là cho người sang Tàu xin viện-binh về đánh Tây-sơn. Nhà vua chọn Danh-An lúc bấy giờ theo vua đến Lang-tài. An cùng Lê Duy-Đản phải đương cái công việc khó khăn ấy.

Vì sợ quân Tây-sơn bắt được, hai người phải ăn mặc rách - rưới, tiều-tuy, đến nỗi Danh-An phải búi-ngủi mà ngậm răng :

千古猶傳奇絕事

Thiên cổ do truyền kỳ tuyệt sự

敝衫殘笠使臣裝,

Tệ sam tàn笠 sừ thần trang

(Thiên cổ còn truyền câu chuyện lạ;

sừ-thần áo rách nón mê tôi !)

Nhiều lần hai người phải lén-lút vào những nơi rừng rậm, hang sâu, để khỏi lọt vào tay bọn lính Tây-sơn canh-phòng nghiêm-ngặt.

Có lúc lại phải róc tóc giả làm người Trung-hoa để đi theo bọn khách-thương mà qua cửa ải.

Khi sang đến Tàu, được biết rằng vua nhà Thanh đã định cho viên tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ-Nghị đem viện-binh sang, Danh-An đương nung khắp-khối thi-lai vì phong-sương mà sinh bệnh nằm hẹp một nơi.

Khi quân Tàu kéo sang, vào thành Thăng-long, Danh-An được thăng phó-đô ngự-sử.

Nhưng một trận Đổng-đa đủ làm cho vua tôi nhà Lê tuyệt vọng. Tôn Sĩ-Nghị cầm đầu chạy lấy thân, vua Chiêu-thống cũng phải chạy sang Tàu để sống với một hi-vọng hảo-huynh !

Trần Danh-An muốn theo vua nhưng không kịp, đành phải nương náu ở chốn sơn lâm vùng Bắc-giang, để hăm-bực với cảnh « anh-hùng mai-lộ ».

Biết An là người có tài và có hạnh, vua Quang-trung sai Ngô Thời - Nhâm viết thư đến dụ, nhưng ông cương-quyết trả lời

— Thà chết chứ không chịu hàng !

Muốn ép ông phải theo, vua Tây-sơn cho bắt ông về giam ở Thăng-long, rồi cho quan trung-thư Trần Văn-Kỷ đến dỗ. Ông vào một mực không nghe, lại còn làm bài từ-tuyệt sau này để mỉa-mai :

新 國 中 書 院
前 朝 御 史 囚
忠 讐 分 順 逆
生 死 決 須 臾

Tân quốc trung thư viện,
Tiền triều ngự-sử tù.
Trung thù phân thuận nghịch,
Sinh tử quyết tu-du.

Dịch :

Chức trung-thư nước mới,
Tù ngự-sử tiền-trào ;
Trung, thù, phân : thuận, nghịch.
Sống chết có là bao !

Rồi lại nói tiếp hai câu này đề mắng nhiếc triều Tây-sơn :

此 生 雖 蹈 豺 狼 吻
Thử sinh tuy đạo sài lang vắn

縱死難爲狗彘心

Túng tử nan vi cẩu trệ tâm

Dịch :

Dù thân có bèn mồm lang sói,

Thoát chết khôn cùng dạ chó heo.

Cái khi - phách ấy của ông Trần Danh-Án
khiến vua Quang-trung và cả triều-thần đời
Tây-sơn đều kính-phục.

Khi tha ông về, ông vẫn giữ một lòng sắt
đá cho đến lúc thở hơi cuối cùng.

57. — Đất sỏi chạch vàng.

Năm đinh-vị (1787), Vũ Văn-Nhâm kéo binh ra Bắc, phá tan quân của Nguyễn Hữu-Chỉnh ở Thanh-quyết (Gia-viễn) và ở Châu-cầu (Lý-nhân), rồi tiến lên Thăng-long. Vua Chiêu-thống phải bỏ kinh-đô mà chạy sang Kinh-bắc.

Sau khi Chính bị bắt và bị giết, nhà vua không còn biết trông cậy vào ai. May sao có bọn-thô-hào nổi lên, xưng nghĩa cần-vương.

Trong bọn này, có Trần Quang-Châu thực là một đấng anh-hùng !

Quang-Châu chỉ là một người thường-dân, nhưng vì có chí-khí và can-dảm được người trong miền cử lên làm đầu-mục để thống-sất dân-binh vùng Gia-bình (Bắc-ninh).

Thấy vua Xuất-dã từ Mục-sơn (Yên-thế) mới trốn về vùng Siêu-loại, Quang-Châu đem quân đến rước vua về Chí-linh, rồi tuy tướng ít binh đơn, Châu cũng hết sức chống cùng quân địch. Phần phải bảo-vệ nhà vua, phần phải cự-chiến với những đội quân Tây-sơn vừa nhiều vừa mạnh, Quang-Châu vẫn không hề nản lòng.

Đến lúc Tôn Sĩ-Nghị sang, vua được trở về Thăng-long, Châu được cử sang trấn Kinh-bắc.

Nhưng chẳng bao lâu, quân Tào bị vua Quang-trung đánh thua liềng-xiềng, vua Chiêu-thống phải theo Sĩ-Nghị mà trốn sang Tào. Quang-Châu không thể theo vua, vẫn băng-bái chống lại quân Tây-sơn.

Song thế yếu, thân cô, Quang-Châu bị bắt, rồi chịu chết một cách anh-hùng.

Trong «Việt - sử tổng vịnh», vua Dực-tông khen Quang-Châu trong bài tử - tuyệt sau này :

草野微臣亦匪躬
挺身援難振頽風

也 知 忠 義 由 眞 性
莫 道 簪 纓 異 蓁 蓬

Thảo dã vi thần diệc phi cung
Đĩnh thân anh nạn chốn đời phong
Dã tri trung nghĩa do chân tính
Mạc đạo trâm anh dị tất bằng

Dịch :

*Nội cỏ tôi hèn cũng bỏ mình,
Giúp đời nghiêng ngửa, quyết hi-sinh.
Cho hay trung-nghĩa do trời phú,
Đừng nói trâm-anh khác túp tranh !*

58.— Một kẻ cường-trực

Khi Bắc-binh-vương sai Vũ Văn-Nhâm ra Bắc bắt Nguyễn Hữu-Chính, triều-thần nhà Lê nhiều người không chịu hợp-tác với Văn-Nhâm. Người thì tuân-tiết, người thì trốn đi để mưu việc khởi-binh.

Trong những người ấy, có một người có tiếng rất cường-trực, là Nguyễn Đình-Gản.

Đình-Gản người làng Vĩnh-trị, phủ Hoảng-hóa, tỉnh Thanh-hóa, đỗ tiến-sĩ đời Lê Hiến-tông, làm quan đến thượng-thư bình-chương-sự.

Từ lúc bắt đầu ra làm quan, ông đã tỏ ra là một người ngay thẳng, cường-ngहि, hễ

thấy ai có tội là đau-bặc, không sợ kẻ quyền-thần. Chính Nguyễn Hữu-Chính đã phê-bình ông rằng :

— Người đó là một kẻ cuồng-trục !

Khi quân Tây - sơn mới đến Thăng-long, nhạc-phụ ông là Hoàn-quận-công đem con gái ông hiến làm tiều-thiếp cho Vũ Văn-Nhậm.

Văn-Nhậm bảo người con gái đó viết thư dụ cha. Đình-Giản nhận thư, cả giận, mắng người đem thư rằng :

— Đứa con bất-hiểu nó làm nhơ-nhuốc nhà ta. Ta há vì tình nhi - nữ mà bỏ nghĩa vua tôi sao ? Ta thề không cùng sống với giặc. Đến chết là cùng !

Khi Tôn Sĩ-Nghị giúp vua Chiêu-thống lấy lại được Thăng-long, ông thấy Hoàn quận-công lại vào chầu, tức quá, ông nhiếc rằng :

— Ông dội ơn nước, làm quan đến cực-phẩm, bổng-lộc chất thành núi, ấy thế mà đã bảy-mươi tuổi còn sợ chết, đến nỗi còn lưng ở thêm giặc, thực là dể xấu lại muôn đời !

Chẳng bao lâu, Sĩ-Nghị bị thua, ông theo vua không kịp, phải đi lang-thang mọi nơi, giả làm thầy địa-lý đi xem đất, nhưng chính

**59. — Đầu có thể chặt, nhưng
tóc không thể cắt.**

Được tin Tôn Sĩ Nghị bị vua Quang-trung đánh thua chạy về Tàu, vua Cao-tông nhà Thanh giáng-chỉ sai quan nội-các là Phúc Khang-An đem quân sang bình nước Nam.

Đến Quảng-tây, Khang-An nghe tiếng quân Tây-sơn rất mạnh có ý muốn nghị-bòa, để tránh cái nhục của Sĩ-Nghị. Y bàn với viên Thái-bình phân-phủ rằng :

— Hai nước giải việc chiến-tranh là phúc cho sinh-dân mà cũng là may cho quan-lại ở biên-giới. Tôi nghe nước Nam có Ngô Thời-Nhậm là người giỏi từ-hàn ; các giấy-má giao-thiệp đều do người ấy cả. Vậy ông

nên viết thư riêng cho người ấy, xin việc xin nghị-hòa, tôi sẽ giúp đỡ bên trong cho.

Vua Quang-trung vốn vẫn biết rằng nhà Trần xưa đánh được quân Nguyên mà phải sai sứ sang xưng thần, vua Lê Thái-tổ đại-thắng quân Minh cũng phải cho sang cầu-phong, thì lẽ tất-nhiên nhà Tây-sơn không thể thoát được cái chính sách ngoại-giao di-truyền ấy. Ngay trước khi đánh Tôn Sĩ-Nghị, nhà vua đã nói :

— Xong trận này, phải nhờ Thôi-Nhậm dùng lời nói khéo mà đình việc chiến-tranh, để chờ mười năm nữa, khi ta đã dưỡng được sức giàu mạnh rồi, thì không sợ gì nữa.

Vì thế, đánh tan được quân Sĩ-Nghị, nhà vua liền cho đem vàng bạc sang cho Khang-An, rồi lại sai sứ sang Yên-kinh dâng biểu cầu-phong.

Bên ngoài đã có Khang-An, bên trong lại có vị các-thần trông nom việc phiên-viên là Hòa Thân cũng nhận tiền đút lót của sứ Tây-sơn, nên vua nhà Thanh ưng-thuận việc giảng-hòa và việc phong cho vua Quang-trung là An-Nam quốc-vương.

Trong khi ấy, bọn vua tôi vua Chiêu-thống vẫn ngờ-nghech tin rằng nhà Thanh sẽ phái quân sang giúp việc khôi-phục.

Từ đầu năm kỷ-dậu (1789), vua Lê, bà thái-hậu và nguyên-lữ cùng tám người cận-thần đã trốn sang Tàu. Được ít lâu, một bọn vong-thần khác cũng lục-tục kéo sang.

Đến nơi nghe tin vua nhà Thanh sai các-thần Phúc Khang-An đem quân chín tỉnh sang đánh Tây-sơn, vua tôi đã khắp-khởi mừng thầm.

Chẳng may Khang-An lại là người khiếp-nhược, ăn của đút-lót, rồi lừa dối vua tôi nhà Lê.

Tháng tư năm ấy vua Chiêu-thống gặp Khang-An ở Quế-lâm. Khang-An nói thào rằng :

— Nay đang mùa hè nóng bức, sang đánh phương nam bất-lợi, để đến mùa thu mát-mẻ sẽ khôi-bình.

Được ít lâu, y lại nói với vua Lê rằng :

— Sắp sửa đến ngày đem quân sang đánh bên An-Nam rồi, nhà vua hãy gióng-gia dân bọn tướng-thuộc đi. Nhưng trước kia ông

tổng-đốc Tôn Sĩ-Nghị thưa, trận là vì giặc phân-biệt dễ dàng người Tàu với người Nam. Nay nhà vua và các quan tùy-túng nên cắt tóc thay áo như người Tàu, khiến khi về nước giặc không thể nhận mặt được. Việc hành-bình cần phải biến-trá ; sau này thành-công rồi, thì lại theo tục mà ăn mặc.

Ngày thơ, vua Chiêu thống tin ở lời nói của Khang-An, bèn cùng bề tôi gọt đầu đổi áo cho giống người Tàu.

Thấy trúng kế, Khang-An liền dâng biểu tâu với vua Thanh rằng :

— Quốc-vương An-Nam là Lê Duy-Kỷ không có ý xin viện-binh nữa. Nay vua tôi đã cắt tóc, thay áo và mong được lưu lại ở Trung-quốc. Vậy xin bãi việc cất quân đánh nước Nam.

Trong khi vua Lê Chiêu thống sang Tàu để bị Khang-An lừa dối, thì ở trong nước một vị cựu-thần là Lê Quýnh hết sức chă-hợp nghĩa bình để mưu việc khôi-phục.

Lê Quýnh là người làng Đại mão, huyện Siêu-loại (Bắc-nghệ), con một ông thị-lang bộ Công triện Lê là Lê Doãn-Giân.

Dưới triều Chiêu-thống, Quỳnh làm quan đến chức binh chương, tước Trường-phái hầu.

Khi Nguyễn Hữu-Chính bị bắt, nhà vua chạy từ Hải-dương về Kinh-bắc, Lê Quỳnh được lệnh hộ vệ hoàng-thái hậu và nguyên-tử lên Cao bằng. Nhưng vì quân Tây-sơn đuổi gấp, Quỳnh phải đưa quốc-mẫu và học-thầy lặn qua những rừng rậm để lẩn sang Tàu, cứ đêm đi ngày trốn, thực là gi (n-nau vất vả.

Đến khi Tôn Sĩ-Nghị đem quân sang Thăng-long, Quỳnh được cử đi dẫn đường.

Sau cuộc bại-trận năm kỷ-dậu, nhà vua trốn sang Tàu, thì Quỳnh đương bị bệnh không theo kịp.

Khi khỏi bệnh, đương cùng đồng-chí mưu việc khôi-phục, thì Quỳnh được tin Khang-An đòi lên Nam-ninh để bàn việc nước.

Quỳnh vội vàng cùng hai-mươi người đồng-chí lên đường. Đến nơi, Quỳnh được Phức-Khang-An cho biết rằng vua tôi vua Chiêu-thống đã cắt tóc, cải-trang cả rồi, vậy Quỳnh cũng phải theo gương ấy.

Quỳnh đồng-dục nói rằng :

— Ngai cho đòi chúng tôi đến đây để bàn quốc-sự, nay không bàn gì mà chỉ truyền lệnh cắt tóc. Xin ngai biết rằng : Đầu chúng tôi có thể chặt, chứ tóc không thể cắt được !

Khang-An tức giận, bắt giải cả bọn Quỳnh lên Yên-kinh. Đến Sơn-dông, gặp vua Càn-long đi tuần-du, Quỳnh vào chầu và bày mọi lễ. Vua Tào khen là trung nghĩa và hứa sẽ xét-xử.

Nbưng đến Yên-kinh. Lê Quỳnh vì bất-định không chịu cắt tóc, phải giam vào ngục trong 15 năm.

Mãi đến khi vua Càn-long băng-bà, vua Gia-kháng kế-vị, các-thần Hòa-thần bị bắt từ-tử Lê Quỳnh mới được thả ra.

Ra khỏi ngục, Quỳnh lại càng trở-trội hơn nữa, vì vua Lê, thái-bận và nguyên-tử đều đã từ-trần, các ban đồng-chí cũng đã tản-mát mỗi người một nơi,

Nấn-ná ở lại nước Tàu cho đến năm Gia-long thứ ba (1805), Lê Quỳnh mới được cùng bọn vong-thần đem di-hải vua Lê về nước.

Vua Gia-long với ông ra làm quan, ông nhất-định khước-từ. Rồi năm sau, ông từ-trần, giữa sự kinh-phục của cả quốc-dân.

Trong sử sách, người ta còn luôn luôn ghi lại cái danh-tiết của « tứ nghĩa-sĩ », tức là bốn vị vong-thần khăng-khăng giữ lại mở tóe, dẫn dắt người Tàu đe dọa và hành-hạ đủ điều (1).

(1) Bốn vị đó là : Lê Quýnh, Lê Trục, Lý Bình-Tạo và Trịnh Hiên.

Lê Trục, tức Sĩ-thu-sinh-hầu, là em Lê Quýnh.

60.— Uống máu ăn thề

Vua nhà Thanh sau khi nghe lời Phúc Khang-An và Hòa Thân phong vương cho vua Quang-trung, liền giáng-chỉ triệu vua tôi vua Chiêu-thống từ Quảng-tây lên Yên-kinh.

Tháng năm năm canh-tuất (1790), vua Lê, bà thái-hậu, nguyên-tử và các bề tôi tông-vong đến Bắc-kinh.

Vua Càn-long cho vua Chiêu-thống và mẹ cùng con ở ngụ tại ngõ Hồ-đồng, gần Quốc-tử-giám, về phía cửa Tây-định. Nơi ấy, người ta đặt là « Tây An-Nam dinh ».

Còn bọn vong-thần thì người Tàu cho ở cửa Đông-trục, ở một nơi gọi là « Đông An-Nam dinh ».

Ít ngày sau, vua nhà Thanh cho quan **Nhương-hoàng-kỳ đô-thống** là **Kim Giản** ra phong cho vua **Lê** chức **tá-lĩnh** và ban cho mũ áo quan tam-phẩm.

Đau lòng vì bị người Tàu lừa dối, vua **Chiêu** thống cùng bọn cận-thần uống máu ăn thề, nhất-định dâng biểu xin viện-binh; bằng chẳng được thì cũng xin hai tỉnh **Thái-nguyên**, **Tuyên-quang** để giữ việc cúng-tế các vua **Lê**. Nếu không được gì thì cũng quay về **Quảng-nam** mưu việc thu phục.

Chẳng may bọn **Hòa Thân**, **Kim Giản**, tàn-nhân vô cùng ! Được ít lâu bọn họ nói dối rằng : đã có chỉ vua **Thanh Cao-tông** cho vua tới nhà **Lê** về ở **Tuyên-quang**, vậy các bề tôi tông-vong phải vào lạy tạ.

Khi mọi người tới ấn-phòng, thì cửa buồng bị khóa lại rồi bị chở lên xe dây xa ba trăm dặm : người phải đi **Phụng-thiên**, kẻ phải đi **Hắc-long-giang**, người phải đi **Y-lê**, kẻ phải đến **Nhiệt-bà**. Thực là xây đàn tan nát !

Trong bọn đi **Nhiệt-bà**, có **Nguyễn Việt-Triệu** là người rất chung-thủy.

Nguyễn Việt-Triệu là người ở Thanh-thủy, Nam-đường, làm quan đến phó-dề-lĩnh. Khi Tôn Sĩ-Nghị thua trận, vua Lê chạy sang Tàu, thì chỉ có Nguyễn Việt-Triệu là không xa vua một bước nào. Dù bị gian-nan khổ-sở đến bậc nào, Triệu cũng cứ nhất-định phò vua cho đến cùng, đề trọn đạo thần-tử.

Mãi đến khi bị bọn Hòa-Thân lừa dối một cách dã-man, Triệu bắt buộc phải dời vua ra ở Nhiệt-hà.

Ở đó được hai năm thì được tin vua Lê băng. Việt-Triệu mặc tang-phục, lập đàn tế, khóc lóc thảm-thiết. Ông buồn rầu đau đớn quá đến nổi sinh bệnh mà mất.

Đến đời Gia-long, năm thứ ba, di-hải ông cũng được đem về với di-hải vua Chiêu-thống và được phụ-táng trong lăng vua.

61.— Thà chết không chịu đề vua nhục

Lúc được tin các vong-thần bị đẩy đi mỗi người một ngả, vua Chiêu-thống rất đổi thương-xót, nóng lòng muốn phóng ngựa đến nhà Kim-Giễn đề minh-oan cho bề tôi.

Khi nhà vua tới, Kim-Giễn đương chầu vua Thanh ở vườn Viên-minh.

Vô-tình, nhà vua cưỡi ngựa đi thẳng vào vườn, bị bọn lính coi vườn cản lại.

Viên mã-đồng của vua Lê là Nguyễn Văn-Quyên (1) thấy thế kêu ầm lên.

Bọn coi vườn sợ vua nhà Thanh nghe tiếng, ùa ra kéo vua Lê xuống ngựa, đẩy lên xe để đưa đến nhà giam.

(1) Người xã Bồ-vệ, Đông-sơn.

Quyên thấy bọn quân Tàn làm nhục vua mình, quát lên rằng :

— Quân Ngô vô-lễ ! Sao dám làm nhục vua tao ?

Rồi bật gạch ném bọn coi vườn.

Bọn này đồ xô đến đánh Quyên gần chết, rồi bắt bỏ ngục. Một tháng sau, khi trở lại dinh, vì những vết thương quá nặng, Quyên tắt thở giữa sự thương tiếc thăm-thiết của vua Lê.

Sau này khi di-hải vua được đem về nước, Quyên cũng được phu-táng như Nguyễn Việt-Triệu.

62.— Việc nước cũ thế là xong

Đầu năm kỷ-dậu (1789) sau khi vua Quang-trung phá tan quân Tôn Sĩ-Nghị ở Đống-đa, vua Lê Chiêu-thống cùng mấy người cận-thần vội-vàng qua sông để trốn lên phía bắc.

Bà hoàng-phi Nguyễn Thị-Kim cũng tất-tả theo vua, nhưng ra đến bờ sông thì cầu phao đã vỡ, bà phải bắt đầu sống một cuộc đời phiêu-giạt.

Bà Nguyễn Thị Kim là người làng Tỳ-bà, huyện Lang-tài xứ Kinh-bắc. Bà lấy vua Chiêu-thống từ khi nhà vua còn là một vị hoàng-tôn. Đến lúc tức-vị, nhà vua rất sùng-ái bà, bà đã sinh với nhà vua được một trai, lúc là nguyên-tử theo vua sang Tàu cùng với bà hoàng-thái-hậu.

Không kịp theo vua, lúc đầu bà theo hoàng-đệ Duy-Chí lên Tuyên-quang. Nhưng khi hoàng-đệ thua trận, bị bắt và bị hại, bà trốn thoát được. Bà phải lưu-lạc, nay đây mai đó, khi thì lẩn vào với bọn dân quê ở Thái - nguyên, Kinh-bắc, khi thì ăn mặc nâu sồng đề nường nhờ cửa từ-bì ở chùa Dương-nham. Trong 15 năm sống lẩn lút, bà chỉ có một hi-vọng, là lại được trông thấy vua và nguyên-tử.

Năm Gia-long thứ ba, nghe tin các vong-thần được vua nhà Thanh cho rước linh-bái vua Chiêu-thống, thái-bậu và nguyên-tử về. Bà liền lên Nam-quan để đón linh-thần.

Từ hôm đó trở đi, bà bắt đầu nhịn ăn, hàng ngày chỉ uống vài chén nước hồ.

Về đến Thăng-long, quan-tài nhà vua quán tại nhà Duyên - tự - công Lê Duy-Hoán (1) ở bên hồ Trúc-bạch. Bà Nguyễn Thị-Kim ngày đêm hầu chầu một bên, khóc-lóc thảm-thiết.

Khi cử-hành xong tang-lễ, bà đến trước linh-tọa, khóc mà nói rằng :

(1) Lê Duy-Hoán là con Lê Duy-Chí. Sau khi Duy-Chí bị hại Duy-Hoán nương-náu ở nhà một người thổ-hào vùng Tuyên-quang. Vì vua Gia-long xuống chiếu tìm dòng-dõi nhà Lê, Duy-Hoán về châu được phong là Duyên-tự-công.

— Tôi thờ Tiên-quân, chẳng may gặp lúc quốc-biến không kịp theo ngài, phải lưu-lạc đến ngày nay mà chưa chết là vì còn mong biết âm-tín của ngài. Nay linh-thần đã đưa về, nguyên-tử cũng đã mất, việc nước cũ thế là xong, vậy thì còn sống làm gì !

Nói rồi, bà uống thuốc độc mà chết.

Di-hải bà được táng tại lăng Bàn-thạch, huyện Lô-dương, tỉnh Thanh-hóa, cùng một nơi với nhà vua.

Vua Gia-long truy-tặng bà bốn chữ « An-trình tuấn-tiết »

68. — Kim chi cũng ánh - hùng !

Trong những tướng tá giúp việc nhà Tây-sơn, có một tay nữ kiệt là Bùi Thị-Xuân.

Bà là con nhà dòng, gọi thái-sư Bùi Đắc-Tuyên (1) bằng chú ruột ; bà lại là vợ một vị công-thần triều Tây-sơn là thiếu-phó Trần Quang-Diệu.

Trong khi Quang-Diệu xông pha nơi tiền đạo, bà cũng lăn-lộn ở chỗ chiến-trường để giúp chồng lập công lớn.

Nhiều lần chính bà cầm quân hăng-hái đi đánh, khiến cho địch-quân cũng phải kinh-phục.

(1) Thái-sư dưới triều Cảnh-thịnh. Vì ông quá hống-hách mà nhiều người oán-giận. Về sau bị Võ Văn-Dũng nghe lời Trần Văn-Kỷ bắt bỏ ngục và giết chết.

Năm tân-dậu (1801), trong khi Quang-Diệu vây thành Qui-nhơn, Nguyễn-vương đem binh ra đánh Phú-xuân Bà Bùi Thị-Xuân phải cùng vua Quang-Toản (1) đem quân chống-giữ, nhưng thế quân Nguyễn-vương mạnh quá, thành Phú-xuân phải thất-thủ, bà phải cùng vua bốn-ba ra phía bắc.

Tháng giêng năm nhâm-tuất (1802), bà đem năm nghìn thủ-hạ theo vua đánh lũy Trấn-bình.

Đánh mãi, thành không chuyề, vua Quang-Toản ngã lòng, toan rút lui, nhưng bà níu áo nhà vua co lại, quyết đánh đến kỳ-cùng.

Đánh từ sáng đến tối mà không phân thua được. Chẳng may quân-sĩ bỗng được tin thủy-quân của Tây-sơn bị Nguyễn Văn-Trương phá tan ở cửa Nhật-lộ (Đồng-hới), liền khiếp sợ, bỏ chạy tán-loạn. Riêng bà Bùi Thị-Xuân vẫn xông vào chém giết quân địch.

Tháng sáu năm nhâm-tuất (1802), quân Tây-sơn bị phá tan, các đồn lũy đều về tay

(1) Con vua Quang-trung, nối ngôi năm nhâm-tí (1793) lấy hiệu là Cảnh-thịnh.

Nguyễn-vương cậ. Bà cũng chớng không thể cứu-vãn được tình-thế, phải về ẩn ở huyện Thanh-chương. Được mấy hôm hai vợ chồng cùng bị bắt.

Cả hai người cùng hai đứa con nhỏ đều không-khỏi chịu chết một cách rất thắm-khốc.

64. — Văn võ một lòng trung

Sau khi vua Quang trung băng-hà (năm nhâm-tí, 1792), thế-lực nhà Tây-sơn mỗi ngày một kém sút:

Ở phía nam, ông Nguyễn Nhạc thấy quân của Nguyễn-vương tiến đánh thành Qui-nhơn, sai người ra Phú-xuân cầu-cứu với cháu là vua Cảnh-thịnh.

Viện-binh ở Phú-xuân vào, giải được vây cho Qui-nhơn, nhưng lại chiếm lấy thành-trị và tịch-diên của-cải. Thấy thế, ông Nguyễn Nhạc tức quá, thổ huyết mà chết.

Ở phía bắc, thì vua Cảnh-thịnh còn nhỏ tuổi (1). Bao nhiêu quyền-binh đều về tay

(1) Khi Nguyễn Quang-Toản lên nối ngôi mới có mười tuổi.

thái-sư Bùi Đắc-Tuyên cả. Ông này là người
hồng-bách, nên triều-thần không phục. Vì thế
sinh ra lễ nọ đằng kia, rồi các đại-thần ghen-
ghét nhau và tìm cách giết hại lẫn nhau (1).

Cái cơ/nguy-vong thực đã rành-rành !

Năm kỷ mùi (1793), Nguyễn-vương thấy
thế Tây-sơ đã suy, liền cử binh ra đánh
lấy thành Quy-nhọ, đổi là Bình-định.

Lấy xong thành ấy, vương kéo quân về Gia-
định, giao thành lại cho một vị tướng võ là
Võ Tánh (2) và một vị quan văn là Ngô

(1) Thái-sư Bùi Đắc-Tuyên sai Ngô Văn-Sở ra Bắc-hà thay
cho Võ Văn-Dũng. Khi Văn-Dũng trở về đến sông Hoàng-
giang, Trần Văn-Kỷ vì phải đẩy ra đẩy, sai Văn-Dũng trả
thái-sư đi. Văn-Dũng về Phú-xuân mưu với mấy người bắt
Bùi Đắc-Tuyên bỏ ngục, và sai người ra Bắc bắt Ngô Văn-
Sở về giết đi.

(2) Ông Võ Tánh tổ-tiền ở Phúc-an (thuộc Biên-hóa), sau
đời đến Bình-dương (Gia-định). Ông là người khảng-khải và
có trí-dũng. Sẵn nhà có cửa, ông xin mẹ bỏ tiền ra chiêu-dù
hào-tiết, kết thành một đám nghĩa-binh lớn, chiếm giữ Vườn-
trầu (thuộc Gia-định), rồi về đóng ở Gò-công.

Ngay khi đó, người ta đã liệt ông cùng với Đỗ Thành-Nhau
và Chu Văn-Đắp vào hàng « Gia-định tam hùng ».

Vì thấy Nguyễn-vương cho người đến dụ, năm mậu-thân
(1788), ông đem bộ-thuộc đến bài-yết. Nguyễn-vương liền
phong cho ông làm tiền-phong-dinh chương-cơ và gả em gái
Ngọc-Du là công-chúa cho.

Tùng-Chu (1).

Tháng giêng, năm tân-dậu (1801), quân Tây-sơn bị mất cửa Thi-nại, sau một trận thủy chiến rã-riệt. Tướng Tây-sơn là Võ Văn Dũng và Trần Quang-Điệu liền hợp quân của nhau lại để vây thành Bình-định.

Các viện-binh của Nguyễn-vương đã hết sức đánh mà không thể tiêu gòn xong vây được.

Nguyễn-vương xem chừng trong thành hết lương khó giữ được vững, liền sai người lên vào trong thành báo Võ Tánh và Ngô Tùng-Chu bỏ thành mà ra. Võ Tánh trả lời rằng :

— Nay tình-bình Tây-sơn ở cả Bình-định, xin nhà vua đừng lo việc giải vây vội, nên kíp

(1) Ông Ngô Tùng-Chu người làng Thái-định, tổng Thạch-hàn, huyện Phú-cat, tỉnh Bình-định. Ông cùng với Trịnh Hoài-Đức là học-trò xưa-sĩ Võ Trường-Toàn. Xưa-thân với chức hàn-lâm, dần dần ông lên đến chức Lễ-bộ tham-tri. Về sau làm kỹ lục Trấn-biên ít lâu, ông lại được triệu về bộ Lễ và được cử làm phụ-đạo cho hoàng-tử Cảnh.

Ông là người cương trực và có khí-tiết. Hay dở Bổng-tung, thường nói những những điều đang nói, khiến hoàng-tử rất kính-dể.

Ông lại thường tâu với Nguyễn-vương những điều người khác không dám nói: như khi ông thấy Nguyễn-vương cho thợ ông tham-tri bộ Hộ Nguyễn Văn-Mỹ vào đến Hiến-trung, ông tâu rằng: « Đền Hiến-trung đặt ra cốt để khuyến-khích những người trung-lương; nay Nguyễn Văn-Mỹ vốn là một tham-quan mà được thọ ở đây ấy, thì còn khuyến người sao được? Vậy xin truất đi! »

ra lấy thành Phú xuân còn hơn...Đem một mạng tôi đổi lấy thành Phú-xuân cũng đủ lắm rồi.

Nguyễn-vương bèn đề Nguyễn Văn-Thành với 5.000 quân ở lại chống-cự với quân Tây-sơn, rồi thân đem đại-binh ra đánh Phú-xuân.

Trong khi Nguyễn-vương kéo quân ra Phú-xuân, tư-đồ Dũng và thiến-phó Diên tách quân đánh rất mạnh. Trong thành thì lương-thực đã gần kiệt, thậm chí phải giết voi ngựa cho quân ăn.

Một hôm quân Tây-sơn đánh rất quá, ông Ngô Tùng-Chu đến hỏi ông Võ Tánh nên chống cự thế nào.

Ông Tánh chỉ vào cái lầu bát-giác ở gần đấy mà nói rằng :

— Kể của tôi đó ! Tôi là chủ-tướng, nghĩa không thể cùng sống với giặc, còn ông là quan, sán thì ông nên tìm cách tự-toàn.

Ông Chu cười và đáp rằng :

— Trung-nghĩa ai cũng như ai, văn võ có khác chi nhau ! Tướng quân có thể chết theo nghĩa, tôi há không thể chết vì lòng trung hay sao ?

Nói rồi ông trở về mặc đồ triều phục, hướng về Bắc-khuyết, lấy rồi uống thuốc độc mà tự-lâm.

Được tin ấy, ông Tánh buồn rầu mà rằng :

Ông Ngô đã tranh đi trước ta rồi!

Nói đoạn, ông bàn đến coi-sóc việc khâm-liệm và mai-lãng cho ông Chu.

Hai ngày sau, tức là ngày 25 tháng 5 năm tân-dậu (1801) ông Tánh sai đem ra cho Trần Quang Diệu một bức thư nói rằng :

— Phận sự ta làm chủ-tướng đành liền chết ở dưới cờ. Còn các tướng-sĩ không có tội gì, chớ nên giết hại.

Ông cho chắt rơm và củi ở dưới lầu bát-giác, mặc triều-phục, treo lên lầu, nói mấy câu vĩnh-biệt với các tướng-sĩ, mọi người đều cảm-động than khóc.

Ông khuyên bảo mọi người, rồi sai Nguyễn Văn-Biên đồ thuốc súng vào đóng củi. Biên khóc không dám vâng lệnh. Thấy thế, ông Tánh tự đốt mà chết.

Tổng-binh là Nguyễn Tấn-Huyền trông gương ấy cũng nhảy vào đóng lửa tuân-tiết.

Nguyễn - vương nghe tin ấy, thương xót vô-cùng.

Tháng bảy năm nhâm-tuất (1802), niên-biên Gia-long, nhà vua sai xây một cái đền trước lầu bát-giác để thờ Võ Tánh và Ngô Tùng-Chu.

Ngài lại sai ông Đặng Đức-Siên làm bài văn-lễ để đọc trong khi làm lễ truy-diệu hai vị trung-thần ấy.

65.— Nam Bắc một nhà

Về thế-kỷ thứ mười, sau khi thoát vòng noi thuộc nước Tàu, nước Đại-cồ-việt mới chỉ gồm vền-vẹn có xứ Bắc-kỷ và bắc-bộ Trung-kỷ ngày nay mà thôi.

Nhưng từ đó đến thế-kỷ thứ 18, tổ-tiên ta đã phải nỗ-lực tiến xuống miền nam, để mở-mang bờ cõi, gây nên cái giang-sơn gấm vóc « một đôn hai thúng » như ngày nay. Từ giải Hoành-sơn cho đến Cửu-long-giang, mào dân Việt đã bao lần nhuộm đỏ núi sông, để chiếm cho con cháu một vùng đất đai phì-nhiều tươi tốt :

Ngay từ cuối thế-kỷ thứ mười, vua Lê Đại-Hành đã thân-chính đi đánh Chiêm-thành,

chiếm châu Địa-lý (1), phá thành Yudrapura (2) và bắt vua Chiêm phải chịu triều-cống nước ta.

Năm giáp-thân (1044), vua Lý Thái tông lại ngự-giá đi đánh Chiêm-thành, chiếm thành Phật-thệ (3), lấy được voi ngựa, của cải rất nhiều, và bắt 5000 người về cho khai-khân đất hoang.

Năm kỷ-dậu (1069), Lý Thánh-tông cũng đại-thắng Chiêm-thành, bắt vua Chế Củ phải dâng ba châu Địa-lý, Ma-linh và Bố-chính (4).

Năm nhâm-tí (1252), vì người Chiêm cứ sang quấy nhiễu biên-thùy đề đòi đất cũ, vua Trần Thái-tông ngự-giá đi chinh-phạt, cũng bắt được rất nhiều tù-binh.

Năm bính-ngọ (1306), vua Chiêm là Chế Mân xin dâng hai châu Ô, Rí (5) để làm lễ cưới Huyền-Trân công-chúa. Nhưng khi Chế Mân mất rồi, con là Chế Chi ra lòng phản-

(1) Phá Quảng-đinh, tỉnh Quảng-bình ngày nay. Chiếm châu Địa-lý ít lâu, vua Lê Đại-Hành lại trả cho Chiêm-thành.

(2) Hay là Simhapura, ở miền Trà-kiệu (Quảng-nam).

(3) Thuộc lòng Nguyệt-biêu, huyện Hương-thủy, Thừa-thiên.

(4) Thuộc Quảng-bình và Quảng-trị ngày nay.

(5) Tức là Thuận-châu, Hóa-châu (Thừa-thiên)

trắc, muốn thu-phục lại hai châu ấy, vua Trần Anh-tông bèn cử ba đạo binh sang đánh, bắt Chế Chí đem về nước (1) và bắt Chiêm-thành phải thần phục.

Đến đời Hồ, năm nhâm-ngọ (1402), Quý-Ly sai tướng đi đánh Chiêm-thành, thu được đất Chiêm-dộng (2) và đất Cồ-lũy (3), đặt thành châu Thăng, châu Hoa, châu Tư, châu Nghĩa và cho dân nghèo vào khai-khẩn.

Qua đời Hậu-Lê, vua Chiêm-thành là Trà Toàn cho quân sang đánh phá Hóa-châu. Vua Thánh-tông, tức giận cử đại-binh sang đánh, lấy cửa Thi-nại, phá thành Đồ-bàn (4), bắt được Trà Toàn, rồi chia đất Chiêm-thành ra làm ba nước (5) cho ba vua cai-trị để họ yên thế đi.

(1) Chế Chí bị bắt về được phong là Hiên-thuận-vương, nhưng chẳng bao lâu mất ở Gia-lâm.

(2) Phủ Thăng-binh (Quảng-nam).

(3) Thuộc Quảng-ngãi.

(4) Hoặc Chà-bàn (Vijaya), thuộc huyện Tuy-viên, tỉnh Bình-dương.

(5) Từ Phan-lung trở vào là Chiêm-thành; từ Phan-lung ra đến Thạch-bì-sơn (ở hiện-giới Phú-yên và Khánh-hòa) là Hóa-anh từ Thạch-bì-sơn ra đến Đồ-bàn là Nam-phan.

Từ đó, thế-lực của người Chiêm đã dần tiêu-diệt. Các chúa Nguyễn 'ại nhân-thế mà mạnh-mẽ tiến thêm về phía nam : năm tân-hợi (1611), chúa Nguyễn Hoàng vào đánh Chiêm-thành, lập ra phủ Phú-yên ; năm quý-tị (1653), chúa Nguyễn Phúc-Tấn sai quan quân đi đánh, lấy thêm đất đến sông Phan-rang, lập thành phủ Thái-ninh (tức là tỉnh Khánh-hòa bây giờ).

Năm quý-dậu (1693), chúa Nguyễn Phúc-Chu lại cho quân đi đánh, bắt vua quan Chiêm đem về Phú-xuân, đổi đất Chiêm-thành làm Thuận-phủ. Qua năm giáp-tuất (1694), Thuận-phủ đổi ra làm Thuộc-thành-trấn, rồi đến năm đinh-sửu (1697), chúa Nguyễn đặt ra phủ Bình-thuận và lấy đất Phan-rí, Phan-rang đặt ra huyện Yên-phúc và huyện Hòa-da.

Thế là nước Chiêm thành bị tiêu-diệt !

Nhưng cuộc nam-tiến của ông cha ta cũng không vì thế mà ngừng : trước khi lấn-át hết nước Chiêm-thành, dân ta đã dòm-giở đất-dại của một nước khác, nước Chân-lạp, tức là Cao-miên ngày nay, hồi ấy còn lan đến đất Nam-kỳ bây giờ.

Vì phía nam xứ Trung-kỳ ngày nay lúc bấy giờ không thể trồng-trọt dễ-dàng, nên người Việt-Nam ta từ đầu thế-kỷ thứ 17 đã chen vào ở giữa bình-nguyên Prey-Kôr (tức là miền Đồng-nai):

Năm canh-thân (1620), vua Chân-lạp là Chey Chettha II (1) thấy con gái chúa Nguyễn Sãi-vương có nhan-sắc, xin cưới về làm hoàng-hậu. Từ bấy, bắt đầu cuộc giao-thiệp của hai nước, mà phần lợi hẳn về người mình.

Năm quý-hợi (1623), người Tiêm-la (Xiêm) từ phía tây tràn vào Chân-lạp. Chúa Nguyễn cho quân ta sang đánh giúp, đuổi được người Tiêm ra ngoài bờ-cõi. Nhờ thế, Sãi-vương mới xin cho người Nam được vào cây cầy và buôn bán ở miền Prey-Kôr, nhưng phải đóng thuế cho vua Chân-lạp. Đó là bước đầu cuộc xâm-chiếm của người mình.

Năm mậu-tuất (1658), vua Chân-lạp Ang-Chan II (là con Chey-Chettha II với một người vợ Lào) không những là một bạo-chúa, mà lại còn là một kẻ bội-giáo theo đạo Hồi của người

(1) Đáng lẽ phải biên là Chey Chettha đệ-nhi, nhưng xin để Chey Chettha II cho tiện.

Chiêm-thành, lấy một người vợ Mã-lai, rồi cho người hai giống này đến ở đông trong nước, nên hai người cháu gọi Chey-Chettha II bằng chú nội nên phản-oghich; nhưng họ bị thua phải đến nương nhờ bà Hoàng-thái-hậu người Việt-Nam là vợ góa của Chey-Chettha II. Bà này khuyên họ nên cầu-cứu chúa Nguyễn. Vì thế, chúa Hiền-vương cho 3.000 quân sang thành Oudong bắt sống Ăng-Chan II và đuổi bốn người Chiêm-thành và Mã lai ra khỏi bờ-cõi. Vua Ăng-Chan II phải giam ở Quảng-bình, rồi sau được tha, nhưng phải triều-cống chúa Nguyễn.

Năm giáp-dần (1674), trong nước Chân-lạp lại có nội-loạn: một ông hoàng Chân-lạp là Ăng Non II (sử ta gọi là Nặc Ông-Non) sang cầu-cứu chúa Nguyễn ở dinh Thái-khang (Khánh-hòa ngày nay) về đánh vua Ăng-Chey (Nặc Ông-Đài). Hiền-vương sai hai ông Nguyễn Dương-Lâm và Nguyễn Đình-Phái đem quân sang đánh giúp Ăng Non; Ăng-Chey phải bỏ thành chạy, chết ở trong rừng. Ăng Non II được làm vua ở Oudong,

Nhưng năm ất-mão (1675) em Ăng-Chey là Ăng Saur (Nặc Ông-Thu); nhờ có người Tiêm

giúp, đánh đuổi Áng Non II, rồi lên ngôi, lấy hiệu là Chey Chettha IV. Vì thấy Áng Saur là dòng trưởng, nên chúa Nguyễn cho y làm vua ở Oudong, nhưng bắt nhường Thủy Chân-lạp (Nam-kỳ ngày nay) cho Áng Non II làm đệ-nhi quốc-vương và đóng đô ở Sai-côn (Sài-gòn).

Năm kỷ-vi (1679), nhân có mấy vị quan nhà Minh ở Quảng-tây là Dương Ngạn-Địch, Trần Thượng-Xuyên, Hoàng Tiến, Trần An-Bình vì không muốn thần-phục nhà Thanh, đem 3.000 quân và 50 chiếc thuyền sang xin nhập-tịch làm dân Nam, Hiền-vương cho họ vào lập-nghiệp ở đất Đông-phố (Gia-định) và Đồng-nai (Biên-hòa).

Năm mậu-thìn (1688), Hoàng Tiến là phó-tướng của Dương Ngạn-Địch nổi lên đánh chủ đề cướp quyền. Chúa Ngãi-vương sai quân vào giết Hoàng Tiến, rồi nhân tiện bắt Chey Chettha IV phải triều-cống.

Năm mậu-dần (1698) chúa Minh-vương đặt chức kinh-lược ở Thủy Chân-lạp, chia đất Đông-phố và đất Đồng-nai ra làm dinh, làm huyện, rồi sai quan vào cai trị và cho người Nam vào khai-khảo.

Năm kỷ-mão (1699) Chey Chettha IV dấy binh chống với quân Nam, Minh-vương sai tướng Nguyễn Hữu-Kinh đem quân sang đánh. Chey Chettha IV thua, phải bỏ thành chạy ; sau về bồng và xin triều cống như cũ.

Vì Ang Non II đã mất từ năm tân-mùi (1691), Chey Chettha IV phong cho con Ang Non II là Ang Êm (Nặc Ông-Yêm) làm quan và lại cho làm phò-mã nữa. Năm canh-thìn (1700), Chey Chettha IV nhường ngôi cho phò-mã để đi tu. Nhưng năm sau lại về trị-vị. Đến năm nhâm-ngọ (1702) lại nhường ngôi cho con trưởng là Thonuno (Nặc Ông-Thâm). Năm甲子 (1705), Thonuno nghị cho Ang Êm chủ tâm làm phản, cất quân đánh và nhờ quân Tiêm sang giúp. Ang Êm thua, phải sang cầu-cứu chúa Nguyễn. Minh-vương sai ông Nguyễn Cửu-Vân sang giúp. Quân ta đánh tan được quân Tiêm, đuổi Thonuno đi, rồi cho Ang Êm về làm vua ở thành Lôvek (La-bích).

Năm giáp-ngọ (1714), Thonuno ở Tiêm lại về đánh Ang Êm, cướp thành Lôvek. Ang Êm lại sang cầu-cứu người mình. Ông Trần Thượng-Xuyên, đô-đốc Phiên-trấn (Gia-định) và ông Nguyễn Cửu-Phủ phó-tướng Trần-

biên (Biên-hòa) được lệnh sang đánh giúp. Thonuno lại bị thua và lại phải trốn sang Tiêm. Áng Êm lại nhờ người Nam mà giữ được ngôi báu.

Năm qui-sử (1731), một người Lào đến rủ xui dân Châu-lạp sát hại người Nam. Chúa Minh-vương, tức-gián, liền chiếm đất Định-tường (Mỹ-tho) và đất Long-hồ (Vĩnh-long).

Năm丁丑 (1736), Áng Êm từ-triều, con là Sothéa (Nặc Ông-Tra) lên nối ngôi.

Năm mậu-thìn (1748), Thonuno lại ở Tiêm về, đánh đuổi Sothéa và cướp ngôi, nhưng chẳng bao lâu Thonuno mất.

Vì mấy người con của Thonuno tranh nhau, chúa Võ-vương sai ông Nguyễn Hữu-Doãn sang đánh và lập lại Sothéa làm vua.

Được vài tháng, Sothéa bị người con thứ hai của Thonuno là Áng Saguôn (Nặc Nguyên) đem quân Tiêm về đánh đuổi đi, Sothéa chạy sang Gia-định cầu-cứu, nhưng mất ở đây.

Áng Saguôn giao-thiệp với chúa Trịnh ở ngoài Bắc để lập mưu đánh chúa Nguyễn, chúa Võ-vương sai ông Nguyễn Cư-Trinh sang đánh Áng Saguôn.

Âng Snguồn thua, phải bỏ thành chạy sang Hà-tiên, nhờ con Mạc Cửu là Mạc Thiên-Tử. Muốn tạ-tội với chúa Nguyễn, Âng Snguồn xin dâng ba phủ Tầm-bôn và Lôi-lạp (1).

Khi Âng Snguồn mất, trong hoàng-tộc lại tranh-giành nhau. Võ-vương liền sai ông Trương Phúc-Du sang giúp ông hoàng Outey II (Nặc Tôn) đánh đuổi các ông hoàng khác. Outey II lên làm vua, dâng cho chúa Nguyễn những đất bây giờ thuộc về các tỉnh Sa-téc, Châu-dốc, Trà-vinh, Sóc-trăng.

Từ năm mậu-dần (1760), đất Thủy Chân-lạp (tức Nam-kỳ ngày nay) đã lọt vào tay người Nam minh cả.

Song tuy giang-sơn nước ta đã lan rộng đến tận vịnh Tiêm-la, trước thế-kỷ thứ 19, người trong nước vẫn không được thống-nhất :

Sau cái nạn nhà Mạc tiếm ngôi vua Lê, đến cuộc Trịnh Nguyễn phân-tranh, chia bản nước ta thành Nam, Bắc hai phương.

Đến khi nhà Tây sơn dấy lên, đánh họ Nguyễn, diệt họ Trịnh, vua Lê được giữ đất

(1) Xin đọc bài thứ 51.

Bắc, giang sơn vẫn chia làm hai. đến nỗi khi Nguyễn Nhạc ra Bắc còn nói với vua Chiêu-thống rằng :

— Mong nhà vua gắng sức làm việc, giữ yên cõi đất, để đời đời giao-hiệp. Ấy là cái phúc của hai nước vậy.

Sau khi vua Quang-trung đại-phá quân Thanh, non sông nước Nam tuy thuộc về Tây-sơn cả, nhưng vua Quang-trung chỉ cai-trị phía Bắc, còn phía Nam vẫn thuộc quyền Nguyễn Nhạc như xưa. Vả lại trong nước còn nhiều người theo Nguyễn-vương để mong khôi-phục sơn-hà, lại còn một bọn người khác vì trung-thành với nhà Lê nhất-định không chịu phục-lòng nhà Tây-sơn. Vì thế nước Nam vẫn chưa gọi là nhất-thống được.

Nhất là sau khi vua Quang-trung mất đi, thế-lực Tây sơn mỗi ngày một kém, lòng dân càng thêm ly-tàn, đến nỗi dân miền Bắc có câu hát rằng :

Lạy trời cho cả gió nổi,

Đề cho chúa Nguyễn kéo buồm thẳng ra !

Cao nên năm nhâm-tất (1802, vua Gia-long dẹp được nhà Tây-sơn hợp cả Nam, Bắc

lại thành một mối, nước Việt-Nam ta nghiêm-niên trở nên một nước lớn chạy dài từ đả Nam-quan đến vịnh Tiêm la. Người trong nước lúc bấy giờ mới thực hiểu cũng là con một nhà, khiến cho tình liên-lạc từ Bắc chí Nam càng ngày càng thêm khăng khít.

Ngày nay tuy nước ta chia ra ba kỳ với những chế-độ chính-trị khác nhau, nhưng người trong nước đều đã biết rằng mình cùng một nòi giống, cùng một tổ-tiên, cùng một lịch-sử, cùng một tiếng nói, nên cùng vui cùng buồn với nhau, và nhất-định nắm tay nhau mạnh-bạo bước trên con đường tiến bộ để làm cho nước Việt-Nam trở nên một nước phú-cường, xứng đáng với « những trang sử vẻ vang » của ông cha ta để lại.

(HẾT)

MỤC - LỤC

Kỷ-Tin nước Đại-Việt	trang 9
Rửa nhục nước, trả thù cha	» 13
Một đảng anh-quân	» 23
Còn hồng-hách nữa thôi?	» 37
Nhổ vào mặt kẻ nghịch-thần	» 41
Muốn ăn thịt kẻ nghịch-thần	» 46
Dân ta có tội-trùng gì?	» 49
Tiết-nghĩa vẹn-toàn	» 52
Tránh nợ Liễu Thăng	» 56
Tắm gương liết-liệt	» 62
Thái-tử có tội gì?	» 65
Trò hèn thầy phải chết	» 69
Chàng đi theo nước, thiếp theo chàng	» 74
Mệnh phải thế!	» 77
Một ông Hào-công Việt-Nam	» 88
Đông-Tây gặp-sở bước đầu	» 92
Dân là gốc nước	» 94
Thầy trung, tớ nghĩa	» 101
Nghĩa Bật phải chết	» 103
Tùy thân sẵn có dao	» 106
Chúng dẫn thân đến chỗ chết	» 109
Thà chết không chịu hàng	» 113
Đất sỏi chạch vàng	» 123
Một kẻ cuồng-trực	» 126
Đầu có thể chặt, nhưng tóc không thể cắt	» 130
Đồng mán ăn tề	» 137
Thà chết không chịu dè vua nhục	» 140
Việc nước cũ thế là xong	» 142
Kim chỉ cũng anh-hùng	» 145
Vân võ một lòng trung	» 148
Nam bắc một nhà	» 154

Sách này in tất cả 3000 cuốn chia làm 3 thứ:

2050 cuốn thường,

45 cuốn giấy Dó,

5 cuốn Bạch-minh-châu.

tại nhà in Mai Lĩnh Hanoi xong ngày 20-10 44

giấy phép in số 1423/I.P.P. của phòng

*** thông-lin Bắc.kỳ ngày 24.5.44 ***

Cải-chính

trang	dòng	In lầm là	Xin đọc là
13	9	xin đọc bài thứ 32	Nay là Giang-ninh
15	12	mà nhiều khi	thuộc Giang-tô.
19	9	đồ diệt	nhieu khi
		(1—2)	đồ riệt
29	26	xem trang 26 - 27	(1) Xem chú-thích (2) trang 27 — (2) Xem chú-thích (1) trang 26
30	9	ký-túc-xa	ký-túc-xá
32	14	Việt-Nam-hóa	Việt-nam-hóa
35	9	huân-cưu	huân-cựu
35	13	ngự sự-đường	ngự-sự-đường
43	11	dá áo	glá áo
43	17	dấn mình	glấn mình
51	3	tranh đánh	tranh-glãnh
51	10	dòm dô	dòm-giô
52	7	Nguyễn Quyên	Nguyễn Quyên
57	22	Thực ra mặt	Thực ra mãi
64	2	đại	đãi
65	10	minh	minh
69	11	quét,	quét
78	17	Tây-sơn	Tây-sơn
88	16	bền	bê
90	18	Sáng ngay	Sáng ngày
95	21	Pierre Baeck, từ hải cảng Jambéc	Pierre Baeck, từ hải cảng Jambec

trang	dòng	In làm là	Xin đọc là
96	8	bầu lấy	bầu lấy
96	23	lịch-sư	lịch-sử
96	24	Thomas Bowyear	Thomas Bowyear
97	1	nhất là a	nhất là ta
110	23	Mỹ-tho	Mỹ-tho
119	3	rời thành	đời, thành
138	21	xây đàn tan nghệ	sây đàn tan nghệ
150	30	được	được
158	24	đề	đề
160	2	Âng Saur	Âng Saur
161	5	bằng	bằng
161	3, 14, 19, 24	Thompp	Thompp
162	2, 11, 13, 14, 18	Thommo	Thommo
167	17	gấp-sô	gấp-gỗ



GIÁ : 4\$00